



CMC CORPORATION

Hướng tới tương lai số

Đ Ồ Ầ Ậ Ệ P  
Digitally signed by CÔNG  
TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
CÔNG NGHỆ CMC  
DN:  
OID.0.9.2342.19200300.10  
0.1.1=MST:0100244112,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ  
CMC, L=Cầu Giấy, S=HÀ  
NỘI, C=VN  
Reason: I am the author of  
this document  
Location:  
Date: 2017-07-12 11:11:00



**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN** **2016**  
ANNUAL REPORT

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC



CMC CORPORATION

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

## CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

Nguyễn Trung Chính

## CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Nguyễn Trung Chính

## HỘI ĐỒNG CỐ VẤN

Nguyễn Hồng Sơn

Lê Thanh Sơn

Lê Chí Dũng

Trần Mỹ Lê

Vũ Thị Phương Thanh

Nguyễn Thành Lưu

Nguyễn Hoa Vân

## BAN BIÊN TẬP

Trần Lệ Thu

## THIẾT KẾ MỸ THUẬT

Vũ Văn Định

## TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Cơ cấu bộ máy quản lý

Định hướng chiến lược

04

06

12

14

16

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

21

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

Chỉ tiêu kinh doanh năm 2017

31

32

39

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá tình hình hoạt động của Tập đoàn năm 2016

Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2017

40

41

48

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM

Báo cáo tài chính hợp nhất

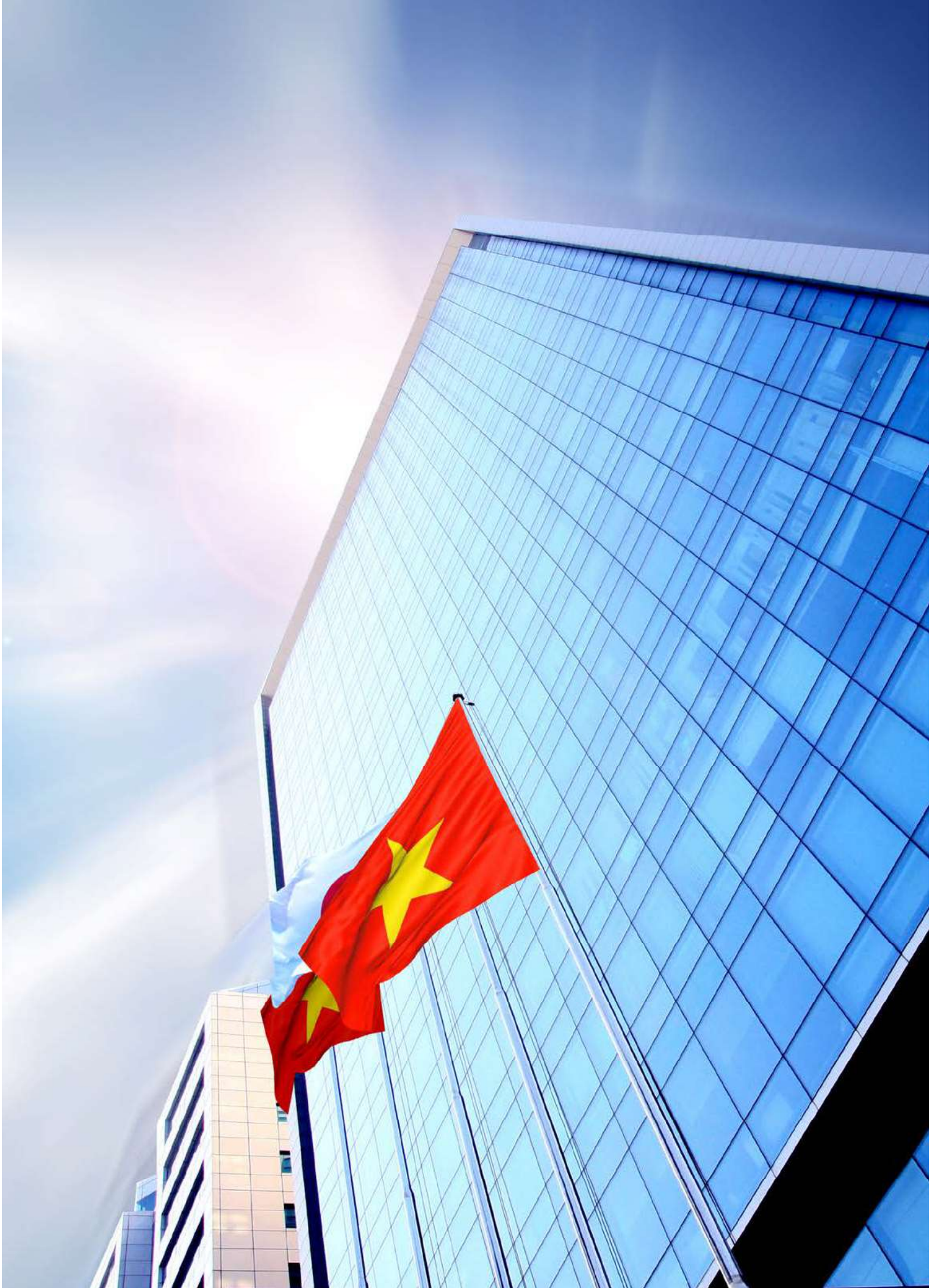
50

51

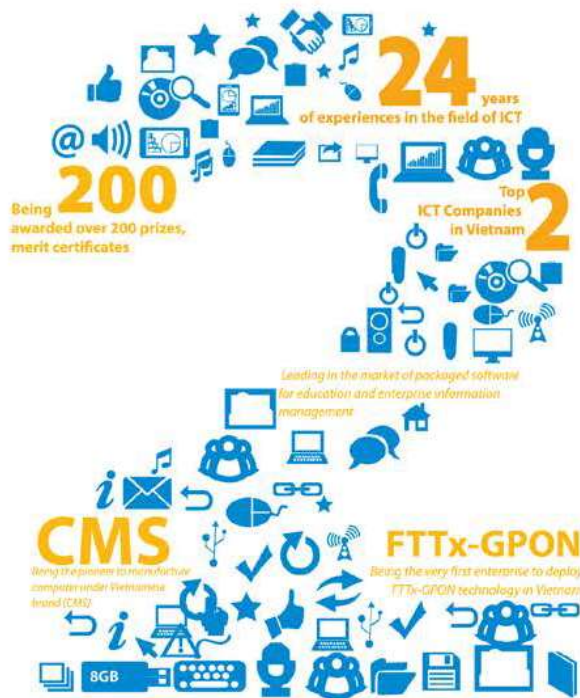
# THÔNG TIN CHUNG

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

 Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
 Vốn điều lệ:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100244112
	673.419.530.000 VNĐ
 Địa chỉ:	Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 673.419.530.000 VNĐ
	CMC Tower, Số 11 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
 Số điện thoại:	84-24 3 7958668
 Số fax:	84-24 37958989
 Website:	<a href="http://www.cmc.com.vn">www.cmc.com.vn</a>
 Mã chứng khoán :	<b>CMG</b>



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

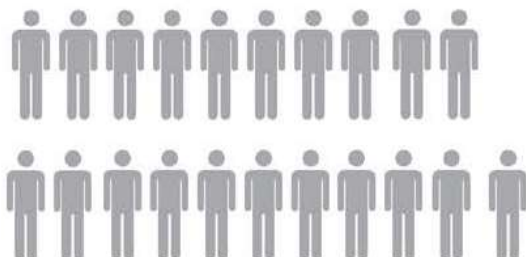


## Chứng chỉ



Quy mô nhân sự:

# 2.100++



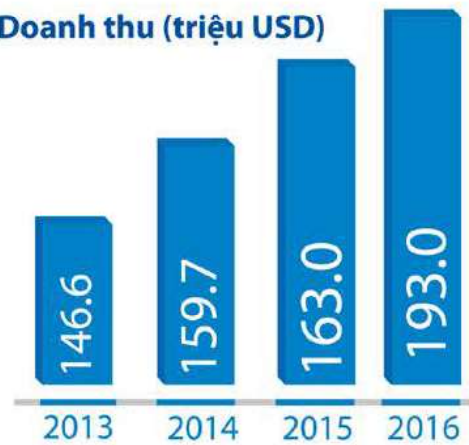


## TẬP ĐOÀN CNTT VÀ VIỄN THÔNG TOP 2 VIỆT NAM

### Lĩnh vực kinh doanh

- Tích hợp hệ thống & Dịch vụ CNTT**
  - Giải pháp hạ tầng
  - Giải pháp an ninh bảo mật
  - Dịch vụ CNTT
- Phần mềm**
  - Giải pháp doanh nghiệp
  - Sản phẩm Phần mềm
  - Dịch vụ ITO/BPO
- Viễn thông**
  - Dịch vụ trung tâm dữ liệu
  - ISP/Leased Line
  - Value Added Services

Doanh thu (triệu USD)



## 63 tỉnh thành Việt Nam

Mạng lưới toàn cầu

**21**  
Quốc gia

- AUSTRALIA
- BELGIUM
- CANADA
- DENMARK
- FRANCE
- FINLAND
- GERMANY
- INDIA
- ITALY
- JAPAN
- KOREA
- MALAYSIA
- NIGERIA
- NORWAY
- SWITZERLAND
- SINGAPORE
- THE NETHERLANDS
- THAILAND
- UNITED KINGDOM
- UNITED STATES
- VIETNAM

### Đối tác

Strategic Partners



Platinum Partner



Premier Partners



Gold Partners



Business Partners





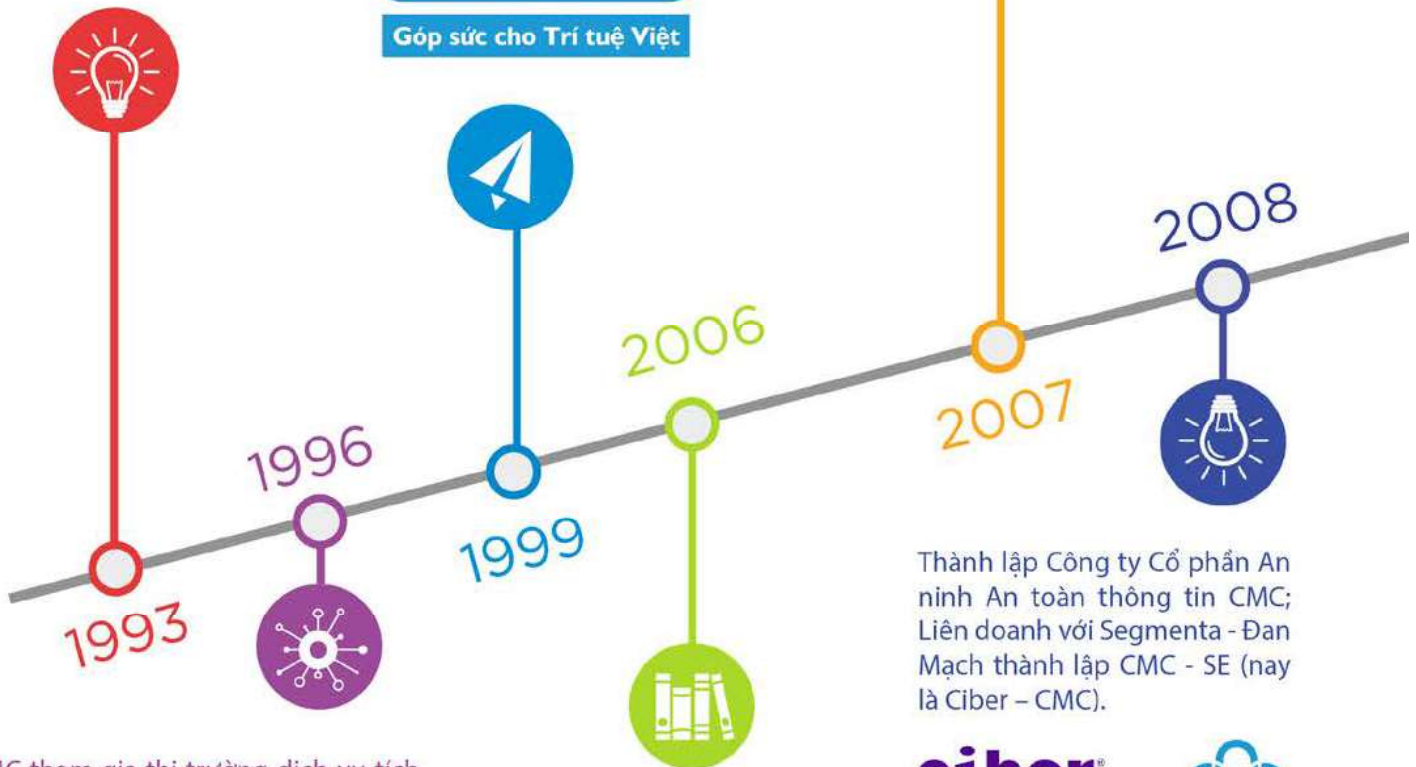
Ông Hà Thế Minh



Ông Nguyễn Trung Chính

Công ty TNHH HT&NT – công ty tiền thân của Tập đoàn - được thành lập vào ngày 26/5/1993 với hai sáng lập viên tài năng và đầy tâm huyết với ngành CNTT là ông Hà Thế Minh và ông Nguyễn Trung Chính.

CMC là một trong những doanh nghiệp đầu tiên sản xuất máy tính thương hiệu Việt Nam và thành lập Công ty Máy tính CMS.



CMC tham gia thị trường dịch vụ tích hợp hệ thống và dịch vụ phần mềm bằng việc thành lập Trung tâm Tích hợp Hệ thống (sau này là công ty CMC SI) và Trung tâm Giải pháp Phần mềm (sau này là công ty CMC Soft). Cũng trong năm này, CMC gia nhập thị trường phía Nam, đặt trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện tái cấu trúc công ty và thiết lập mô hình tổ chức mới của CMC. Đây là bước đi chiến lược cho sự mở rộng, phát triển mạnh mẽ và bền vững của CMC trong thời gian tiếp theo.

Chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.

Đồng thời thành lập 2 công ty: Công ty TNHH Phân phối CMC (CMC Distribution) và Công ty CP Dịch vụ Viễn thông CMC (CMC Telecom).



Thành lập Công ty Cổ phần An ninh An toàn thông tin CMC; Liên doanh với Segmenta - Đơn Mạch thành lập CMC - SE (nay là Ciber – CMC).



Tháng 9: CMC Telecom hợp tác với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) thành lập Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (CMCTI).



Chính thức niêm yết hơn 63.5 triệu cổ phiếu với mã CMG tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trở thành nhà đầu tư chiến lược duy nhất của Netnam, sở hữu 43.8% cổ phần của Công ty này.

Tháng 4: Công ty CP Hạ Tầng Viễn Thông CMC chính thức khai trương cung cấp dịch vụ GigaNet dựa trên công nghệ FTTx – GPON lần đầu tiên triển khai tại Việt Nam.

Tháng 5: Khánh thành Tòa nhà CMC – tòa nhà được các chuyên gia bất động sản đánh giá là thông minh nhất Hà Nội, công trình gắn biển Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long.

Tháng 3: Tái cấu trúc lĩnh vực phân phối và sản xuất, đổi tên CMC D thành CMC P&T và sáp nhập một số mảng kinh doanh của CMS.

Tháng 4: CMC TI chính thức cung cấp dịch vụ Internet trên hệ thống Truyền hình cáp.

Tháng 10: CMC Telecom khai trương Data Center thứ 2 theo tiêu chuẩn Tier III tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 11: Sáp nhập Công ty CP Dịch vụ Viễn thông (CMC Telecom) vào Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC (CMCTI).



CMCTelecom khai trương chi nhánh tại Đà Nẵng, đứng thứ hai về thị phần cung cấp dịch vụ viễn thông chỉ sau 1 năm hoạt động.

Tháng 8: Thành lập Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn (CMC SI Sài Gòn).

Vượt qua hàng trăm thương hiệu nổi tiếng khu vực Đông Nam Á, CMC Soft và phần mềm eDocman Plus đã được vinh danh TOP 20 “Thương hiệu Nổi tiếng ASEAN”.

CMC Telecom phối hợp với Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) ra mắt Thương hiệu và Dịch vụ VTV net.

Công cụ diệt virus CMC đã có mặt trên website quét virus trực tuyến Virus Total của Google.

Dịch vụ bảo mật của CMC InfoSec được ưa chuộng nhất năm 2013 do Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam (VNISA) tổ chức bình chọn.

Tổ chức Kỷ niệm 20 năm thành lập Tập đoàn Công nghệ CMC.

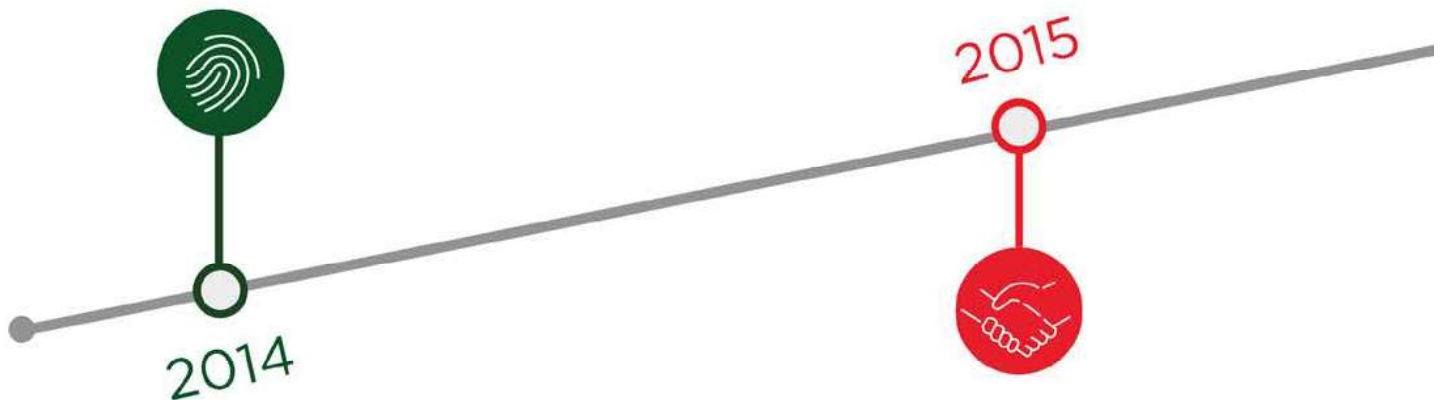


Sản phẩm máy tính CMS lần thứ 4 được UBND Thành phố Hà Nội trao bằng chứng nhận Sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thủ đô.

Thành lập Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC (CMC Institute of Science and Technology - CSIT).

CMC InfoSec chính thức được hiệp hội "Các nhà nghiên cứu mã độc Châu Á - AVAR" trao cờ đăng cai tổ chức sự kiện Hội nghị AVAR 2015 tại Việt Nam.

Tổ chức thành công Cuộc thi "Sáng tạo vì tương lai CMC" lần thứ nhất.



CMC Telecom ký kết thỏa thuận Đầu tư chiến lược với Tập đoàn Time dotCom Berhad (TIME) - một trong những công ty viễn thông hàng đầu của Malaysia.

Tổ chức thành công "Hội nghị Quốc tế về phòng chống mã độc toàn cầu lần thứ 18" - AVAR 2015, diễn ra tại Đà Nẵng, là Hội nghị quy mô quốc tế về An toàn Thông tin đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam với chủ đề chính là "Kỷ nguyên Chiến tranh mạng - The Age of Cyber Warfare". Đây là sự kiện lọt Top 10 sự kiện CNTT - VT nổi bật của năm 2015 do báo ICTnews bình chọn.



Tổ chức thành công Cuộc thi "Sáng tạo vì tương lai CMC" lần thứ hai.

CMC nhận bằng khen của Bộ thông tin & Truyền thông cho doanh nghiệp có thành tích đóng góp vào sự phát triển của ngành thông tin truyền thông Việt Nam.

CMC SI nhận giải thưởng Country Partner of The Year 2016 do Microsoft trao tặng.

CMC Telecom nằm trong "Top 25 doanh nghiệp viễn thông triển vọng 2016" của APAC CIO Outlook.

CMC InfoSec nhận giải thưởng "Doanh nghiệp bảo mật tiêu biểu khu vực Châu Á Thái Bình Dương năm 2016".



Ngày 4/1: CMC Công bố chiến lược phát triển giai đoạn 2016 -2018 tầm nhìn 2020 và hệ thống nhận diện thương hiệu mới.

Ngày 26/2: CMC Vinh dự đón tiếp Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam tới cắt băng khai trương Trung tâm Sáng tạo CMC và ra mắt Quỹ Sáng tạo CMC.

Ngày 31/3 Thành lập CMC Global với mục tiêu xuất khẩu phần mềm, dịch vụ và sản phẩm công nghệ thông tin vươn ra thị trường toàn cầu, mục tiêu đến năm 2020 sẽ có ít nhất 1000 nhân viên, doanh thu phần mềm và dịch vụ từ thị trường xuất khẩu ngang bằng với thị trường trong nước, có nhiều sản phẩm và dịch vụ đạt tiêu chuẩn hàng đầu thế giới.



Ngày 13/4: CMC vinh dự đón tiếp đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Bộ Chính trị - Bí thư Thành ủy Hà Nội cùng đoàn công tác của Thành ủy Hà Nội tới thăm và làm việc .



# NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Lĩnh vực kinh doanh

### Tích hợp hệ thống



- Dịch vụ tích hợp hệ thống bao gồm Giải pháp Hạ tầng và Giải pháp Ứng dụng
- Cung cấp các giải pháp CNTT chuyên ngành cho chính phủ, doanh nghiệp tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, giáo dục đào tạo
- Cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì và quản trị chuyên nghiệp

### Viễn thông – Internet



- Dịch vụ hạ tầng viễn thông
- Dịch vụ truyền số liệu
- Dịch vụ DC/DR và Managed Service
- Dịch vụ truy cập Internet cho hộ gia đình qua truyền hình cáp
- Dịch vụ giá trị gia tăng

### Phần mềm giải pháp



- Sản xuất phần mềm đóng gói
- Cung cấp phần mềm như dịch vụ (SaaS)
- Dịch vụ thuê ngoài ITO và BPO
- Dịch vụ phần mềm theo yêu cầu
- Ứng dụng công nghệ Cloud
- Khai thác thị trường ODC

### Sản xuất và thương mại



- Phân phối Thiết bị phần cứng (máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, máy tính xách tay), thiết bị ngoại vi, linh kiện, phần mềm (license)
- Sản xuất và lắp ráp máy tính để bàn, máy chủ CMS

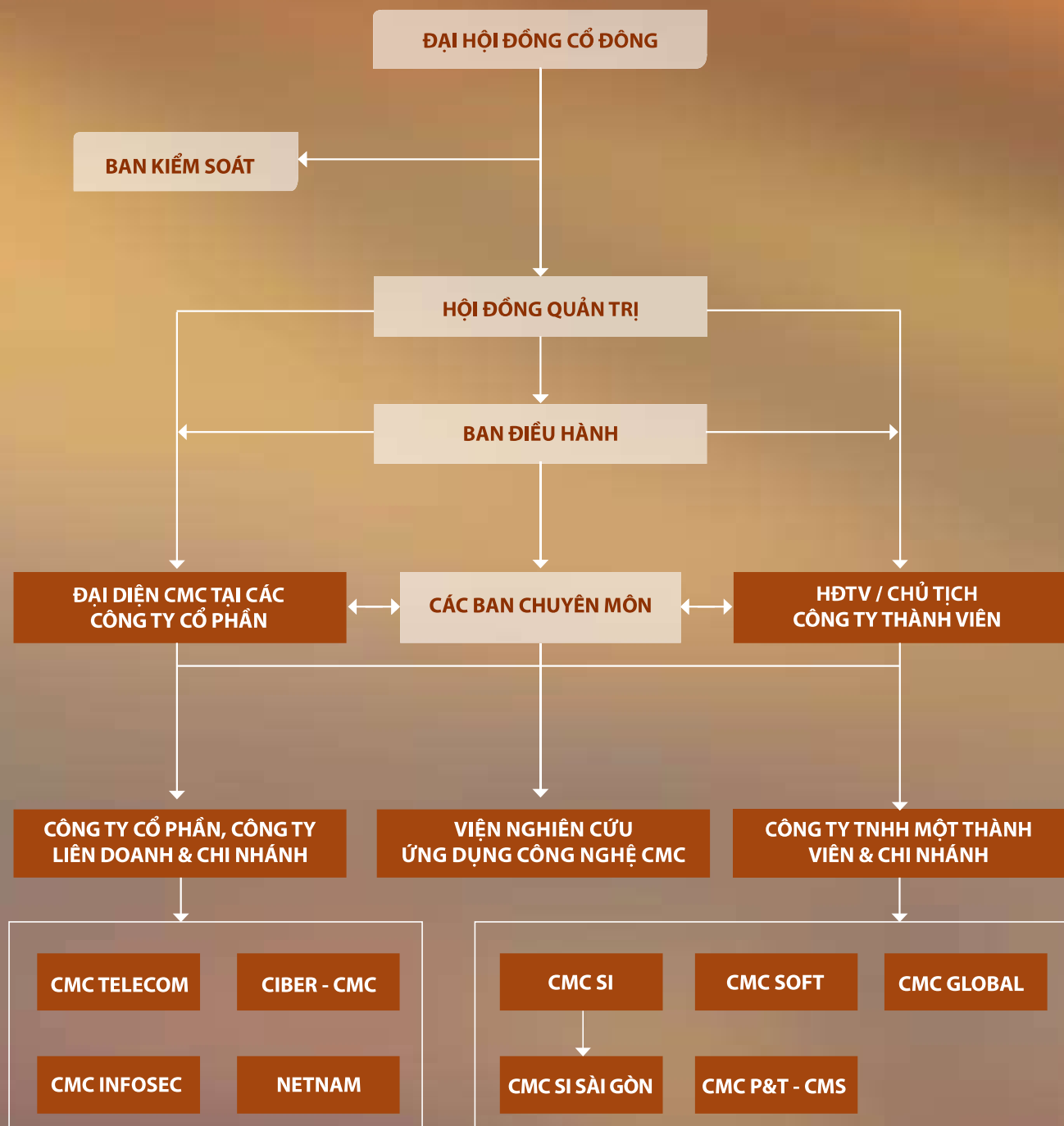


Địa bàn kinh doanh tại  
**63 TỈNH THÀNH**  
**VIỆT NAM**

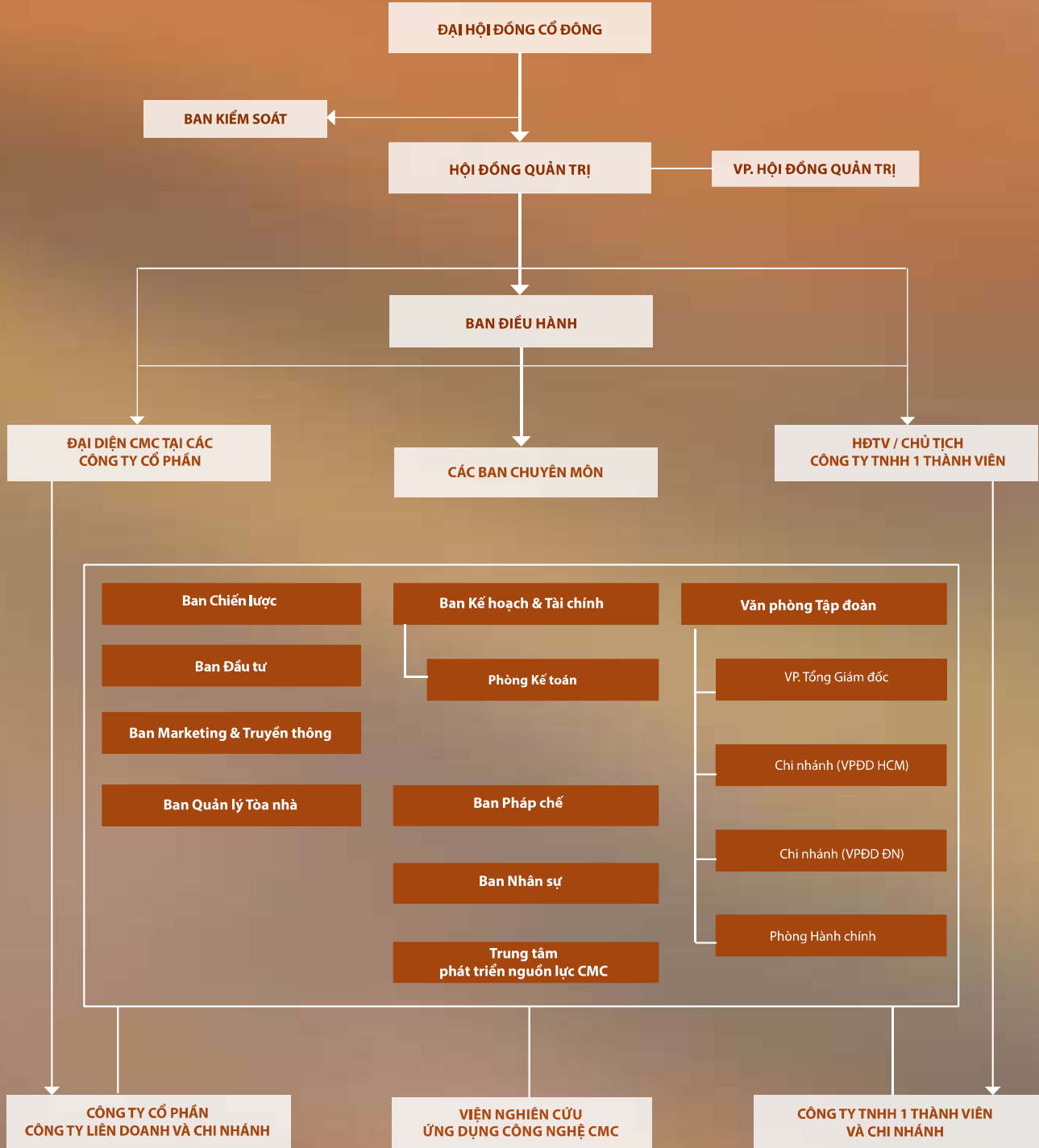
*Bản đồ thể hiện một số thành phố tiêu biểu tại Việt Nam*

# CƠ CẤU QUẢN TRỊ & BỘ MÁY QUẢN LÝ

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



# CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2018

**Tập đoàn CMC ưu tiên phát triển 03 trụ cột kinh doanh chính là Tích hợp hệ thống và dịch vụ CNTT, Phần mềm, Viễn thông.** Chúng ta sẽ phấn đấu có được những sản phẩm dịch vụ sáng tạo, độc đáo và đứng số #1 trong mảng thị trường mà mình lựa chọn.

**Với dịch vụ Tích hợp Hệ thống và dịch vụ CNTT** là lĩnh vực truyền thống, cốt lõi của CMC, với 23 năm kinh nghiệm, ưu tiên phát triển các giải pháp công nghệ chuyên ngành hướng tới từng nhóm khách hàng tổ chức, hướng tới mục tiêu số 1 về Giải pháp hạ tầng, Giải pháp an ninh bảo mật và hướng tới mục tiêu là số 1 trong mảng dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì vào năm 2018.

**Với Phần mềm** ưu tiên phát triển các sản phẩm ứng dụng phục vụ cho nhu cầu vừa có tính chuyên biệt, vừa có tính đại chúng, ngoài phương thức cung cấp truyền thống cần có chuyển dịch mạnh mẽ theo phương thức mới Online, SaaS đón đầu xu hướng ứng dụng IOT, các sản phẩm tạo ra phải sáng tạo hơn, khác biệt so với các sản phẩm có trên thị trường và phải nằm trong Top 3 trong thị trường lựa chọn.

**Với mảng Viễn thông**, là công ty có quy mô hạ tầng không lớn, tận dụng thế mạnh là công ty viễn thông trẻ, vì vậy cần có cách đi khác biệt, linh hoạt sáng tạo, tập trung vào các thị trường và sản phẩm dịch vụ có lợi thế, tận dụng sức mạnh của Tập đoàn công nghệ IT với 24 năm kinh nghiệm, tích hợp Công nghệ thông tin vào dịch vụ Viễn thông, mang đến cho khách hàng doanh nghiệp và tổ chức những sản phẩm dịch vụ đa dạng có giá trị gia tăng cao (VAS) theo mô hình One-stop-shop. Xây dựng hệ sinh thái CMC, giúp cho các đối tác và khách hàng ngày một phát triển và thành công dựa trên một môi trường ứng dụng chia sẻ, cộng tác của công ty.



## MỤC TIÊU VỊ THẾ

### Vị thế của Tập đoàn Công nghệ CMC

Phấn đấu là Tập đoàn CNTT và Viễn thông top 2 Việt Nam với quy mô hơn 2.500 người, là đối tác của nhiều tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới trong lĩnh vực Công nghệ thông tin & Viễn thông. Tập trung phát triển mạnh khối khách hàng tổ chức bao gồm: doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng chính phủ, bằng các sản phẩm dịch vụ chuyên nghiệp, chất lượng đẳng cấp quốc tế, hướng tới mở rộng phát triển ra thị trường nước ngoài.

#### Tích hợp hệ thống và Dịch vụ

- Số 1 thị trường về Dịch vụ Tích hợp hạ tầng và Bảo mật.
- Top 2 SI lớn nhất tại VN về Quy mô; Doanh thu; Lợi nhuận; Chất lượng dịch vụ, đặc biệt là vị thế tại thị trường Tài chính – Ngân hàng và Tài chính công.
- SI lớn nhất thị trường phía Nam đặc biệt là thị trường Doanh nghiệp vào năm 2018.
- Đơn vị hàng đầu về cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì, ASP cho các khách hàng và đối tác

#### Viễn thông

- Trở thành lựa chọn số 1 của các DN lớn trong nước và quốc tế về dịch vụ tích hợp Viễn Thông – CNTT.
- Top 3 nhà khai thác kinh doanh quốc tế và đi đầu trong cung cấp dịch vụ trong khu vực Asean qua hợp tác với TDC.
- Top 1 IDC tại Việt Nam về cung cấp dịch vụ cho khách hàng lớn với chất lượng cao và trung lập.

#### Phần mềm

- Top 5 công ty Phần mềm hàng đầu VN.
- Có SP VP điện tử/QL văn bản và điều hành, SP Phòng công chứng, SP Quản trị DN-Kế toán đạt vị trí hàng đầu.
- Dịch vụ Outsourcing với quy mô trên 500 người vào năm 2018.
- Có từ 1-2 SP giải pháp phần mềm đạt vị thế dẫn đầu các thị trường ngành.



## CÁC RỦI RO

Đánh giá được vai trò của công tác quản trị rủi ro, CMC đã và đang đẩy mạnh triển khai công tác quản trị rủi ro. CMC đã thiết lập bộ máy vận hành công tác quản trị rủi ro và thực hiện việc nhận diện, đánh giá, đưa ra chiến lược xử lý rủi ro.

### Các nhóm rủi ro được nhận diện và chiến lược xử lý

#### Rủi ro chiến lược

- Rủi ro thị trường biến động: những thay đổi từ chính sách vĩ mô, thắt chặt chi tiêu của cơ quan nhà nước đến việc tái cơ cấu ngành làm ảnh hưởng đến mục tiêu doanh thu của CMC.
- Rủi ro đối thủ cạnh tranh: những đối thủ mới nổi, những công ty săn sau cùng phương thức cạnh tranh bằng mọi giá là mối nguy ảnh hưởng đến việc đạt doanh thu, lợi nhuận của CMC.

Tuy nhiên, những rủi ro trên cũng là cơ hội để CMC nắm bắt, nghiên cứu để đưa những sản phẩm mới, có giá trị gia tăng đồng thời mở rộng thị trường.

#### Rủi ro tài chính

- Rủi ro tín dụng: với đặc thù ngành CNTT và VT, đặc biệt là mảng phân phối, rủi ro tín dụng luôn tiềm tàng. Nhận thức được điều đó, lãnh đạo công ty luôn theo dõi sát sao, xây dựng quy trình chuẩn về cấp hạn mức tín dụng và quản lý, thu hồi nợ. Đồng thời, thường xuyên đánh giá các biện pháp để có cải tiến kịp thời.

- Rủi ro tỷ giá: những biến động tỷ giá, trong bối cảnh nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin, là rủi ro ảnh hưởng đến mục tiêu lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, CMC đề cao công tác dự báo, theo dõi sát sao thị trường, tăng tỷ lệ vay VNĐ và thực hiện các công cụ, kịch bản nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá.



### Rủi ro hoạt động

- Rủi ro nhân sự chủ chốt nghỉ việc và sự khan hiếm nguồn nhân lực: Với sự phát triển của các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp start – up, nhân sự giỏi trong ngành CNTT trở nên khan hiếm và biến động. CMC luôn ưu tiên xây dựng chính sách nhân sự hấp dẫn nhằm ghi nhận những đóng góp của người lao động và khen thưởng, động viên kịp thời. Đồng thời, có lộ trình đào tạo, thăng tiến cho cán bộ nhân viên.

- Rủi ro chậm triển khai dự án: Việc triển khai dự án chậm do nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong thời gian qua, CMC đã nỗ lực nhằm giảm thiểu xác suất xảy ra và xây dựng kịch bản nhằm ứng phó.

### Rủi ro tuân thủ

Với chính sách và văn bản quy định pháp luật luôn thay đổi, đặc biệt là những văn bản quy phạm ngành CNTT, thuế, hải quan, CMC luôn phải cập nhật, tổ chức đào tạo nhằm tuân thủ quy định..



TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

# Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## Kết quả kinh doanh năm 2016

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	KH 2016	% Tăng trưởng	% KH Năm 2016
Doanh thu thuần	4.785.969	4.018.336	4.167.022	19%	115%
Doanh thu thuần hợp nhất <i>(sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên doanh, liên kết &amp; nội bộ)</i>	4.384.363	3.693.813	3.800.611	19%	115%
Lãi gộp (*)	734.074	628.385	802.186	17%	92%
Chi phí hoạt động (*)	527.826	449.278	579.336	17%	91%
Chi phí/ (doanh thu) tài chính (net) (*)	3.383	10.002	29.635	-66%	11%
Thu nhập/ (Chi phí) khác (net) (*)	10.249	12.008	10.420	-15%	98%
Lợi nhuận trước thuế trên BCHN	187.214	160.377	179.771	17%	104%
Lợi nhuận sau thuế thuộc về CMC	123.160	107.516	115.251	15%	107%
Tỷ lệ cổ tức	10%	8%	10%	25%	100%

(\*) Bao gồm các chỉ tiêu của các đơn vị liên doanh, liên kết; do vậy có sự khác biệt với Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Năm 2016**  
**Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn**  
**4.384<sup>++</sup> TỶ<sup>?</sup>**  
**Tăng trưởng 19% so với năm 2015**  
**và đạt 115% kế hoạch.**

**TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT 187 TỶ**  
 tăng trưởng 17% so với năm trước, và đạt 104% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 123 tỷ, đạt 107% kế hoạch năm. Tăng 15% so với năm 2015

*Chi tiết xem tại Báo cáo Ban điều hành.*

## Tổ chức và nhân sự

### Danh sách ban điều hành

Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu của các thành viên Ban điều hành như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc	1,00%
2	Nguyễn Phước Hải	Phó Tổng giám đốc	3,09%
3	Hoàng Ngọc Hùng	Phó Tổng giám đốc	0,16%
4	Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng giám đốc	0,30%
5	Lê Thanh Sơn	Giám đốc Tài chính	0,07%
6	Nguyễn Hồng Phương	Kế toán trưởng	0,00%

# Giới thiệu BAN ĐIỀU HÀNH



2

1

3

## 1 Ông Nguyễn Trung Chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Tổng Giám đốc

- Tốt nghiệp Trường Đại học Bách Khoa khoa Kỹ thuật điện tử năm 1987.
- Một trong hai sáng lập viên của Tập đoàn Công nghệ CMC
- Bằng khen Doanh nhân Sao đỏ năm 2000
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2000
- Huân chương Lao động hạng ba năm 2005, doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2008
- Danh hiệu doanh nhân có thành tích trong phong trào thi đua doanh nghiệp năm 2013 và rất nhiều bằng khen, giải thưởng của nhiều tổ chức, nhà nước vì những cống hiến cho ngành CNTT-VT nổi riêng và cho xã hội nói chung.
- Từ tháng 6/2016 được bầu làm Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC

## 2 Ông Hoàng Ngọc Hùng

Phó Chủ tịch HĐQT  
Phó Tổng Giám đốc

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử
- Tốt nghiệp ĐH Kỹ thuật Budapest, Hungary (1985)
- Từng công tác tại các cơ quan Nghiên cứu hàng đầu VN
- Là thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC kiêm TGD Công ty Giải pháp Phần mềm CMC (2007 - 2015)
- Từ tháng 3/2016, ông Hùng đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Liên doanh Ciber CMC
- Được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC vào tháng 6/2016
- Được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghệ CMC (Tháng 7/2016)

## 3 Ông Nguyễn Phước Hải

Thành viên Hội đồng Quản trị  
Phó Tổng Giám đốc

- Tốt nghiệp hạng xuất sắc trường Bách Khoa Vinh (Liên Xô cũ) chuyên ngành Vô tuyến điện năm 1991.
- Gia nhập CMC vào năm 1996;
- Năm 1999 CMC thành lập Công ty Máy tính CMS và ông Hải được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty.
- 1 trong 13 cổ đồng sáng lập và là thành viên Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC.
- Năm 2009, được bổ nhiệm làm Phó tổng Giám đốc của Tập đoàn Công nghệ CMC với nhiệm vụ phụ trách hoạt động sản xuất, kinh doanh và đối ngoại của Tập đoàn Công nghệ CMC trong lĩnh vực sản xuất máy tính.



4

#### 4 Ông Nguyễn Hồng Sơn

##### Phó Tổng Giám đốc

- Trình độ: Kỹ sư Hệ thống Điều khiển tự động - Đại học Kỹ thuật Điện tử Lenin-grad - Nga (1991)
- Là thành viên chủ chốt, giữ nhiều vị trí quan trọng tại CMC từ năm 1998
- Từ năm 2006 đến tháng 3/2017 : Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC;
- Từ năm 2007 đến năm 2011 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
- Từ năm 2011 đến năm 2013 : Thành viên BKS Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
- Từ năm 2013 đến năm 2015 : Trưởng BKS Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

5

#### 5 Ông Lê Thanh Sơn

##### Giám đốc Tài chính

- Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán kiểm toán năm 2000, chứng chỉ kế toán trưởng và chứng chỉ kiểm toán viên hành nghề CPA Việt Nam
- 5 năm làm việc tại KPMG Việt Nam trong vai trò trưởng nhóm kiểm toán
- 2 năm trong vai trò trưởng phòng kiểm toán nội bộ tại Công ty HBL Việt Nam
- Từ năm 2005 đến năm 2006, ông Sơn giữ chức vụ Giám đốc Đầu tư của Tập đoàn Phú Thái
- Năm 2007 được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

6

#### 6 Bà Nguyễn Hồng Phương

##### Kế toán trưởng

- Cử nhân chuyên ngành Tài chính - kế toán
- Gia nhập vào Tập đoàn công nghệ CMC năm 2007
- Được bổ nhiệm là Kế toán trưởng của Tập đoàn Công nghệ CMC từ tháng 9/2012 đến nay.

### Những thay đổi trong Ban Điều hành

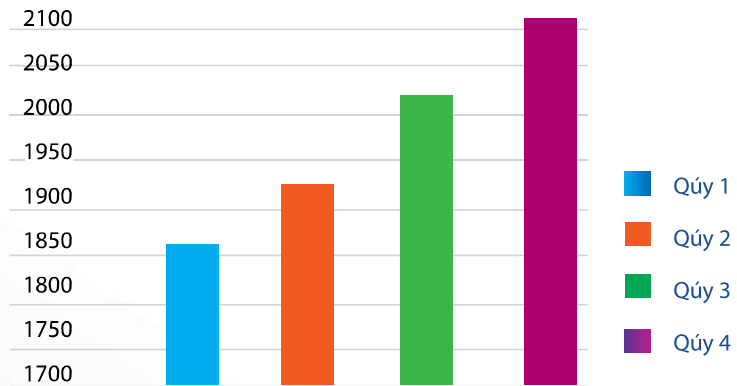
- Ngày 11/07/2016 Ông Hoàng Ngọc Hùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC kể từ ngày 11/07/2016.

- Ngày 09/3/2017 Ông Nguyễn Hồng Sơn được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC kể từ ngày 01/04/2017.

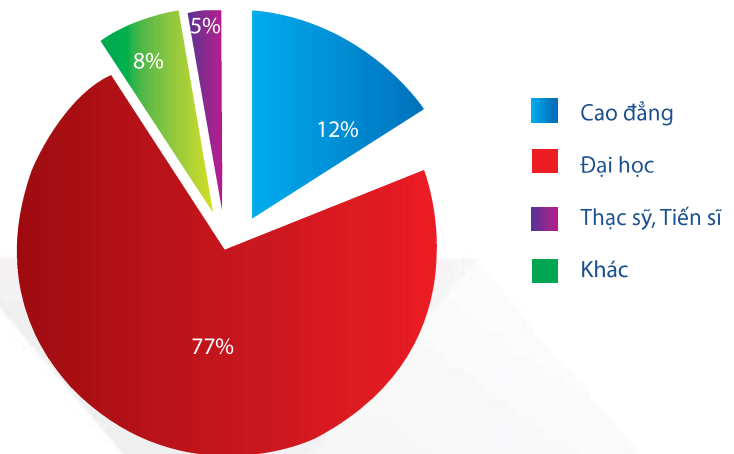
### Số lượng cán bộ nhân viên tính đến 31/03/2016: 2100++ người



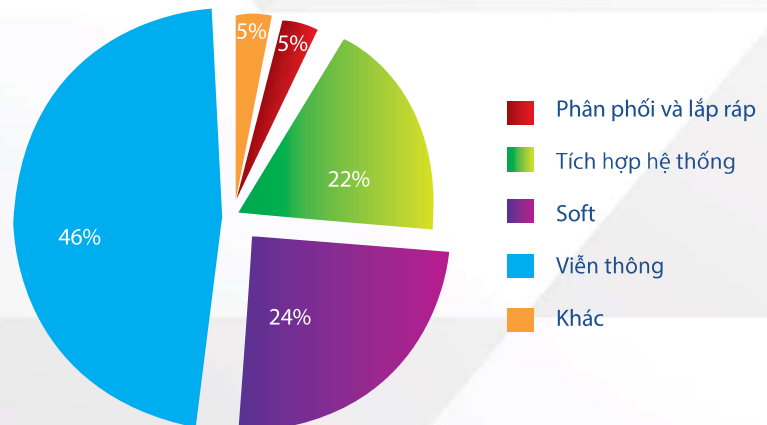
#### Nhân sự toàn tập đoàn



#### Cơ cấu lao động theo trình độ



#### Cơ cấu lao động theo lĩnh vực kinh doanh





## Tóm tắt chính sách nhân sự

Kể từ ngày đầu thành lập tới nay, CMC luôn luôn xác định Con người là Tài sản quý báu nhất của công ty, là yếu tố then chốt cho thành công và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó, CMC rất chú trọng và quan tâm đến chính sách đãi ngộ, đào tạo, phát triển cũng như đời sống cho toàn bộ CBNV.

### Chế độ đãi ngộ

Chính sách đãi ngộ của CMC được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường, khuyến khích theo năng suất và chất lượng công việc, công bằng và minh bạch. Theo đó, cuối mỗi kỳ đánh giá, CBNV có thể tự tính được thu nhập dựa vào mức độ hoàn thành kế hoạch của tập đoàn, công ty thành viên, bộ phận và cá nhân. Điều này đã tạo động lực, khuyến khích đạt và vượt kế hoạch trực tiếp đến từng cá nhân, bộ phận cũng như cả tập đoàn.

Chính sách đãi ngộ luôn được cải tiến và cập nhật để có được hiệu quả cao nhất. Năm 2016, CMC tiếp tục cải tiến về quy chế thưởng năng suất đối với các cán bộ hoàn thành vượt mức kế hoạch. Tạo động lực lớn để một lần nữa Tập đoàn vượt kế hoạch cả về Doanh thu và Lợi nhuận trong điều kiện khó khăn của thị trường.

### Tuyển dụng và đào tạo

Duy trì tốc độ phát triển cao và liên tục đòi hỏi nguồn nhân lực mạnh cả về số lượng và chất lượng. CMC không ngừng cải tiến hoạt động tuyển dụng và đào tạo nhân sự với các dự án, chương trình nhân sự quy mô cấp Tập đoàn. Các dự án này đã và đang được triển khai xuyên suốt công ty Tập đoàn và các đơn vị thành viên tạo thành hiệu ứng mạnh mẽ trong công tác quản trị nguồn nhân lực.

**- Tuyển dụng:** Đáp ứng sự phát triển về chiều sâu và mở rộng về quy mô, năm 2016, tiếp tục có nhiều CBNV có trình độ, kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp tốt được tuyển dụng và gia nhập CMC bổ sung vào các vị trí nghiệp vụ quan trọng của Tập đoàn. Song song để tạo nguồn đầu vào trẻ và tiềm năng cho Tập đoàn trong dài hạn, năm 2016, CMC đã tổ chức nhiều chương trình, hoạt động liên kết với các trường đại học, các Học viện như Đại học Quốc gia, Bách Khoa, Kinh tế, Công nghệ, ... nhằm tìm kiếm tài năng trẻ, rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn, kết nối sinh viên và doanh nghiệp nhằm phát triển nguồn nhân lực hiện tại và tương lai cho tổ chức.

**- Đào tạo:** CMC khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi CBNV phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc, mà còn qua đào tạo, tự đào tạo và trau dồi kiến thức. CBNV tham gia đào tạo được CMC tài trợ một phần hoặc toàn bộ học phí. Với mục tiêu chủ động và hiệu quả hơn nữa trong việc phát triển nguồn lực, Trung tâm Phát triển nguồn lực CMC chính thức được thành lập và đi vào hoạt động trong những ngày đầu năm 2017. Trung tâm có trách nhiệm xác định chiến lược đào tạo, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo để đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng của đội ngũ nhân sự phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh. Các chương trình đào tạo của Trung tâm không chỉ đảm bảo chất lượng đầu vào tiêu chuẩn cho toàn bộ hệ thống mà còn đào tạo nâng cao phục vụ cho các hoạt động nghiệp vụ cụ thể và riêng biệt của CMC. Đây là nền tảng vững chắc giúp CMC không ngừng tạo nên sự khác biệt, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, mang lại những giá trị gia tăng hiệu quả cho khách hàng.



## Điều kiện làm việc

CMC luôn chú trọng xây dựng cơ sở vật chất, tạo dựng môi trường làm việc thân thiện cho toàn bộ CBNV. Các văn phòng làm việc của CMC đều được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế, thân thiện đảm bảo CBNV có được điều kiện tốt nhất để sáng tạo, phát huy năng lực của mình.

- CBNV toàn tập đoàn được làm việc tại tòa nhà CMC Tower tại Hà Nội cũng như các văn phòng trên toàn quốc, có không gian và trang thiết bị làm việc tốt, với nhiều tiện ích văn phòng mang tính ứng dụng công nghệ cao.
- Ngày 26/2/2017, CMC chính thức khai trương Trung tâm sáng tạo CMC. Đây là không gian kích thích sự phát huy trí tưởng tượng, óc sáng tạo, một nơi thư giãn để tái tạo năng lượng và cảm hứng làm việc cho các cán bộ CMC và đối tác. Trung tâm sáng tạo CMC cũng là thông điệp của Tập đoàn luôn khuyến khích và đề cao sức sáng tạo, đam mê và nhiệt huyết tới toàn thể CBNV.

## Thi đua, khen thưởng

- Trong năm 2016, các phong trào thi đua được tổ chức thường xuyên tại Tập đoàn đóng góp quan trọng vào kết quả hoạt động SXKD của Tập đoàn.
- Đặc biệt trong dịp kỷ niệm 24 năm thành lập Tập đoàn, CMC đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao, thi đua kinh doanh.... Tại lễ kỷ niệm, Tập đoàn đã biểu dương và khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển lớn mạnh của tập đoàn.



## Năm 2016, CMC đã khởi động một số chương trình nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu tuyển dụng CMC

CMC đã triển khai khảo sát về Nguồn nhân lực hạnh phúc trên toàn bộ đơn vị thành viên của CMC. Nơi làm việc Hạnh Phúc là nơi mà nhân viên THỰC SỰ HẠNH PHÚC khi gắn kết lý trí và cảm xúc với môi trường, con người tại công ty và do đó họ sẵn sàng nỗ lực nhiều hơn vì thành công của công ty cũng như cam kết gắn bó lâu dài.

# CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Danh sách các công ty thành viên, công ty liên doanh



Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (tỷ vnd)	Vốn góp của CMC (tỷ vnd)	Tỷ lệ vốn góp của CMC/VĐL thực góp
<b>01 Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC</b>	Tầng 16 CMC Tower, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Tích hợp hệ thống	70	70	100%
<b>02 Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn</b>	Số 111-121 Ngô Gia Tự, P2, Q10, TP. Hồ Chí Minh	Tích hợp hệ thống	40	CMC SI góp 40 tỷ	CMC SI sở hữu 100%
<b>03 Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC</b>	Tầng 14 CMC Tower, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Phần mềm	50	50	100%
<b>04 Công ty TNHH Sản xuất &amp; Thương mại CMC</b>	Tầng 12 CMC Tower, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Thương mại & phân phối sản phẩm ICT	100	100	100%
<b>05 Công ty TNHH Máy tính CMS</b>	Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất và lắp ráp máy tính	50	CMC PT góp 50	CMC PT sở hữu 100%
<b>06 Công ty Cổ phần CMC Global</b>	CMCTower, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Xuất khẩu phần mềm	20	20 tỷ	100% Thành lập ngày 31/3/2017
<b>07 Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC</b>	Tầng 15 CMCTower, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Viễn thông - Internet	335	183	54,6%
<b>08 Công ty CP An ninh An toàn Thông tin CMC</b>	Tầng 4 CMCTower, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Phần mềm	20	19,98	99,9%
<b>09 Công ty CP Liên doanh CIBER - CMC</b>	CMCTower, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Phần mềm	10	4,99	49,9%
<b>10 Công ty CP NetNam</b>	Số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội	Viễn thông - Internet	15	6,17	41,1%

## Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Cổ phần

- Tổng số cổ phần đã phát hành:	67.341.953 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	67.341.953 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần
- Số cổ phần đang lưu hành:	66.242.694 cổ phần
- Số cổ phiếu quỹ:	1.099.259 cổ phần

### Cơ cấu cổ đông

STT	Phân loại theo tiêu chí cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	<b>Phân loại CD theo vị trí địa lý</b>		
	Cổ đông trong nước	62.722.786	94,69%
	Cổ đông nước ngoài	3.519.908	5,31%
2	<b>Phân loại CD theo tỷ lệ sở hữu</b>		
	Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên	44.590.406	67,31%
	Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phần	21.652.288	32,69%
3	<b>Phân loại CD theo loại hình sở hữu</b>		
	Cổ đông là tổ chức	51.109.045	77,15%
	Cổ đông là cá nhân	15.133.649	22,85%
4	<b>Phân loại CD theo đại diện sở hữu</b>		
	Cổ đông nhà nước	0	0%
	Cổ đông khác	66.242.694	100%

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2016 Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC không có sự thay đổi về vốn cổ phần.

### Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số cổ phiếu quỹ hiện tại: 1.099.259 cổ phần

Trong năm tài chính 2016 Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

### Các chứng khoán khác:

Tính đến ngày 26/6/2017, CMC không phát hành các chứng khoán khác.

## Báo cáo tác động liên quan đến môi trường & xã hội của công ty

### Tác động môi trường của hoạt động sản xuất máy tính

STT	Khía cạnh môi trường	Tác động môi trường	Số liệu (lượng tiêu thụ kết quả quan trắc)	Hành động đáp ứng
1	Tiêu thụ nước	Cạn kiệt nguồn nước	330	1. Nội quy tiết kiệm của CMS 2. Đào tạo nhận thức môi trường hàng năm
2	Tiêu thụ điện năng	Cạn kiệt nguồn tài nguyên	1430	1. Nội quy tiết kiệm của CMS 2. Đào tạo nhận thức môi trường hàng năm
3	Tiêu thụ các loại nguyên vật liệu	Cạn kiệt nguồn tài nguyên	4000	1. Nội quy tiết kiệm của CMS 2. Đào tạo nhận thức môi trường hàng năm
4	Lưu giữ chất thải	Ô nhiễm nguồn đất, nước, không khí	18.2	1. Quy trình quản lý chất thải tại CMS 2. Đào tạo nhận thức môi trường hàng năm
5	Phát sinh nước thải	Ô nhiễm nguồn nước	330	1. Quy trình quản lý chất thải tại CMS 2. Đào tạo nhận thức môi trường hàng năm
6	Phát sinh khí thải gây hiệu ứng nhà kính	Ô nhiễm không khí	10.3	1. Nội quy tiết kiệm của CMS 2. Đào tạo nhận thức môi trường hàng năm
7	Phát sinh chất thải thông thường	Ô nhiễm nguồn đất, nước, không khí	400	1. Quy trình quản lý chất thải tại CMS 2. Đào tạo nhận thức môi trường hàng năm
8	Phát sinh tiếng ồn	- Ô nhiễm tiếng ồn - Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động	71.7	1. Hồ sơ đo quan trắc môi trường hàng năm 2. Đào tạo nhận thức môi trường hàng năm

## Tiêu thụ năng lượng

Hệ thống văn phòng làm việc của phần lớn các công ty thành viên của Tập đoàn CMC đều tập trung trong tòa nhà CMC Tower. CMC luôn ý thức mô hình văn phòng xanh không chỉ giúp Công ty đạt được những hiệu quả nhất định trong việc tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí vận hành văn phòng mà còn góp phần nâng cao nhận thức về môi trường cho CBNV.

Chỉ số tiêu thụ năng lượng trực tiếp của tòa nhà CMC Tower trong năm 2016 chi tiết như sau:

Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2016
Điện (kWh)	6.966.800

Nguồn điện cung cấp cho tòa nhà được cung cấp từ Công ty Điện lực Cầu Giấy phục vụ hoàn toàn cho mục đích vận hành hệ thống kỹ thuật tòa nhà (điều hòa, chiếu sáng công cộng) và sử dụng các thiết bị văn phòng cho CBNV trong toàn nhà.

## Tiêu thụ nước

Nguồn nước sạch cung cấp cho tòa nhà được cung cấp từ Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Cầu Giấy, được phục vụ hoàn toàn cho việc sinh hoạt của CBNV trong văn phòng tòa nhà, vận hành hệ thống điều hòa trung tâm, và hệ thống chữa cháy tự động

Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2016
Nước (m3)	21.187

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường Tòa nhà CMC luôn tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBNV, CMC thường xuyên thực hiện các hoạt động và phương trình tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong CBNV:

- Kết hợp cùng những tổ chức quốc tế và trong nước tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng của toàn thể CBNV.
- Xây dựng, điều chỉnh lại hệ thống giờ sử dụng điện tại các toàn nhà văn phòng của Công ty. Quản lý vận hành sử dụng thiết bị điện của văn phòng cán bộ nhân viên qua phần mềm tự động.
- Tuyên truyền, khuyến khích CBNV đi cầu thang bộ và hạn chế sử dụng thang máy
- Hưởng ứng chiến dịch giờ Trái đất.
- Đang thực hiện lộ trình thay thế các thiết bị sử dụng điện bằng thiết bị tiết kiệm điện năng (đèn led...)

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn Công nghệ CMC là doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm xã hội tích cực thông qua nhiều chương trình, hoạt động hỗ trợ các hoạt động giáo dục, thiện nguyện.

Tháng 2/2016, CMC cùng Văn phòng Chủ tịch nước đã trao tặng 100 suất quà tổng trị giá 100.000.000 VND cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã An Phú, huyện Mỹ Đức, Hà Nội. Tháng 3/2016, CMC đã tài trợ 2 phòng máy tính cho 2 trường học của xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Đồng thời, CMC đã tài trợ máy tính cho các cháu người Việt ở Campuchia.

Bên cạnh đó, CMC đã tặng các học bổng trị giá học bổng trị giá 100.000.000 VND cho các sinh viên đại học Bách Khoa Hà Nội, Học viện Kỹ thuật Mật Mã, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. CMC thường xuyên tham gia tài trợ, hỗ trợ, tư vấn cho các sự kiện dành cho sinh viên như “Ngày hội tuyển dụng” tại Học viện Bưu chính Viễn thông, Đại học Bách Khoa, Đại học Công nghệ, Đại học Thăng Long.

Các hoạt động thiện nguyện cũng được CMC triển khai thường xuyên, thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với cộng đồng xã hội. Nhiều năm qua, CMC duy trì phụng dưỡng trọn đời hai mẹ liệt sỹ ở xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn; thực hiện trợ cấp thường xuyên cho 15 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn quận Cầu Giấy, Hà Nội; ủng hộ hoạt động đoàn thể của Hội cựu chiến binh, Hội cựu thanh niên xung phong địa phương. Tháng 8/2016, CMC đã đến thăm và trao tặng 08 bộ TV và tủ lạnh trang bị cho 08 phòng bệnh Khoa Hồi sức tích cực – Bệnh viện E Trung ương; Tháng 11/2016, CBNV CMC đã quyên góp 100.000.000 VND ủng hộ đồng bào vùng lũ miền Trung. Tháng 12/2016, CMC đã dành tặng các suất quà với tổng giá trị 50.000.000 VND cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại Quận Cầu Giấy.



BÁO CÁO CỦA  
BAN ĐIỀU HÀNH

# BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2016

### Kết quả kinh doanh năm 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	KH 2016	% Tăng trưởng	% KH Năm 2016
Doanh thu thuần	4.785.969	4.018.336	4.167.022	19%	115%
Doanh thu thuần hợp nhất <i>(sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên doanh, liên kết &amp; nội bộ)</i>	4.384.363	3.693.813	3.800.611	19%	115%
Lãi gộp (*)	734.074	628.385	802.186	17%	92%
Chi phí hoạt động (*)	527.826	449.278	579.336	17%	91%
Chi phí/ (doanh thu) tài chính (net) (*)	3.383	10.002	29.635	-66%	11%
Thu nhập/ (Chi phí) khác (net) (*)	10.249	12.008	10.420	-15%	98%
Lợi nhuận trước thuế trên BCHN	187.214	160.377	179.771	17%	104%
Lợi nhuận sau thuế thuộc về CMC	123.160	107.516	115.251	15%	107%
Tỷ lệ cổ tức	10%	8%	10%	25%	100%

(\*) Bao gồm các chỉ tiêu của các đơn vị liên doanh, liên kết; do vậy có sự khác biệt với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm 2016, Tổng doanh thu hợp nhất Tập đoàn đạt 4.384 tỷ, tăng trưởng 19% so với năm trước và đạt 115% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 187 tỷ; tăng trưởng 17% so với năm trước, và đạt 104% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế thuộc về CMC đạt trên 123 tỷ, hoàn thành 107% kế hoạch năm và tăng trưởng 15% so với năm 2015.

Các lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ tích hợp hệ thống, Dịch vụ phần mềm, Dịch vụ viễn thông đều hoàn thành và vượt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Lĩnh vực sản xuất và phân phối chưa hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm. Các lĩnh vực chính đều có tốc độ tăng trưởng cao so với năm trước: tích hợp tăng 33%, phần mềm tăng 36% và viễn thông tăng 26% về doanh thu.

Chi phí hoạt động và chi phí tài chính được kiểm soát dưới mức kế hoạch đề ra lần lượt bằng 91% và 11% kế hoạch, đóng góp tích cực vào kết quả lợi nhuận của công ty.

### Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lĩnh vực Công ty	DOANH THU					LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ				
	Năm 2016	Năm 2015	KH 2016	% Tăng trưởng	% KH năm 2016	Năm 2016	Năm 2015	KH 2016	% Tăng trưởng	% KH năm 2016
Lĩnh vực Tích hợp hệ thống	2.024.974	1.521.050	1.882.280	33%	108%	57.235	46.776	57.001	22%	100%
Lĩnh vực Phần mềm	264.380	193.756	229.555	36%	115%	11.430	4.056	15.061	182%	76%
Lĩnh vực Viễn thông	1.252.598	992.017	1.201.581	26%	104%	124.369	104.043	121.688	20%	102%
Lĩnh vực Sản xuất & Phân phối	310.410	391.237	583.142	-21%	53%	573	1.776	3.019	-68%	19%
Lĩnh vực khác	933.608	920.276	270.465	1%	345%	19.507	24.461	6.866	-20%	284%
<b>Tổng</b>	<b>4.785.969</b>	<b>4.018.336</b>	<b>4.167.022</b>	<b>19%</b>	<b>115%</b>	<b>213.115</b>	<b>181.113</b>	<b>203.635</b>	<b>18%</b>	<b>105%</b>
<b>Báo cáo hợp nhất</b>	<b>4.384.363</b>	<b>3.693.813</b>	<b>3.800.611</b>	<b>19%</b>	<b>115%</b>	<b>187.214</b>	<b>160.377</b>	<b>179.771</b>	<b>17%</b>	<b>104%</b>





## Lĩnh vực tích hợp hệ thống

**Kết quả kinh doanh:** Doanh thu đạt 2.025 tỷ, tăng trưởng 33% so với năm trước và hoàn thành 108% kế hoạch năm 2016. Lợi nhuận tăng trưởng 22% năm trước và hoàn thành kế hoạch năm 2016. Các khối thị trường ngành trọng điểm như tài chính ngân hàng, doanh nghiệp đều hoàn thành và các chỉ tiêu kinh doanh, ngoại trừ khối chính phủ và giáo dục có tỷ lệ đạt thấp. Chỉ tiêu và tỷ trọng giải pháp, dịch vụ tăng so với năm trước.

**Năng lực kinh doanh, giải pháp kỹ thuật và dịch vụ:** Năm 2016 thị trường phía Nam tiếp tục phát triển nhanh, thị phần gia tăng, vị thế của công ty trong lĩnh vực tích hợp được nâng cao, CMC tiếp tục là đối tác hàng đầu của các hãng công nghệ lớn.

- Công ty duy trì thế mạnh hàng đầu về năng lực giải pháp/dịch vụ hạ tầng cho các thị trường trọng điểm như: Hạ tầng mạng, sao lưu, ảo hóa, lưu trữ... ngoài ra năm 2016 CMC tiếp tục đầu tư phát triển các giải pháp ứng dụng ngành cho khối khách hàng ngân hàng tài chính và doanh nghiệp.
- Năm 2016, CMC phát triển mạnh mẽ năng lực dịch vụ bảo mật: là đơn vị đầu tiên đạt chứng chỉ hành nghề theo luật ATTT; hoàn thành chứng chỉ PCI DSS; phát triển sản phẩm mới CMC CryptoSHIELD.



## Lĩnh vực phần mềm

**Kết quả kinh doanh:** Doanh thu tăng 36% so với cùng kỳ năm trước, và đạt 115% so với kế hoạch. Lợi nhuận hoàn thành 76% kế hoạch, do trong năm 2016 có triển khai một số dự án lớn chuyển qua từ năm trước. Ngoại trừ thị trường Giáo dục suy giảm, các khối thị trường truyền thống như: Tài chính công, Ngân hàng, Chính phủ, Bảo hiểm duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, mở rộng thị phần doanh nghiệp.

**Năng lực kinh doanh và sản phẩm dịch vụ:** Công ty tiếp tục đầu tư phát triển các sản phẩm đóng gói mang thương hiệu CMC, phát triển các giải pháp ngành trong các lĩnh vực: ngân hàng, thuế, hải quan, quản trị doanh nghiệp...

- Năm 2016, lĩnh vực phần mềm nâng cao số lượng và chất lượng nguồn lực; phát triển thị trường Outsourcing.
- Cuối năm tài chính 2016, công ty đã tách mảng xuất khẩu phần mềm, dịch vụ và sản phẩm công nghệ thông tin ra thành lập công ty CMC Global với mục tiêu chiến lược đến năm 2020 đạt 310 tỷ đồng doanh thu với hơn 1000 nhân sự.



## Lĩnh vực viễn thông

**Kết quả kinh doanh:** Doanh thu năm 2016 đạt hơn 1.252 tỷ, tăng trưởng 26% so với cùng kỳ năm trước và đạt 104% kế hoạch. Lợi nhuận trong lĩnh vực viễn thông tăng trưởng 20% so với năm trước và đạt 102% so với kế hoạch. Các dịch vụ viễn thông cơ bản đều bám sát mức kế hoạch đề ra.

**Năng lực kinh doanh, dịch vụ và hạ tầng:** Với việc tăng trưởng về quy mô và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ công ty có vị thế ngày càng cao ở thị trường viễn thông.

- Hệ thống hạ tầng tiếp tục được đầu tư, nâng cấp và bổ sung với tổng số tiền đầu tư xấp xỉ 462 tỷ đồng, giúp mở rộng mạng lưới và chất lượng dịch vụ.
- Năm 2016, công ty đã thực hiện triển khai dự án Đường trục Bắc – Nam, mở rộng DC và đưa vào khai thác tuyến cáp biển APG.



## Lĩnh vực phân phối & lắp ráp

**Kết quả kinh doanh:** Doanh thu đạt 310 tỷ, hoàn thành 53% kế hoạch, và giảm 21% so với năm 2015. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 573 triệu, chưa hoàn thành kế hoạch đặt ra.

**Năng lực kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ:** Với chiến lược duy trì và hiệu quả, công ty tập trung vào một số sản phẩm/dịch vụ cốt lõi, đồng thời thực hiện tái cơ cấu và cắt giảm bớt một số ngành hàng kinh doanh kém hiệu quả.

- Bên cạnh sản xuất và phân phối các sản phẩm truyền thống, công ty đang tập trung đầu tư mở rộng phát triển dịch vụ bảo trì, bảo hành và sửa chữa điện tử, thay đổi phương thức phân phối qua kênh dự án và khách hàng doanh nghiệp.

## Hoạt động quản trị

Một số công tác quản trị trọng tâm năm 2016, Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã thực hiện bao gồm:

- Hoàn thành xây dựng chiến lược 2016 – 2018, tầm nhìn 2020; tổ chức công tác xây dựng KHKD 2016.
- Cải tiến chính sách nhân sự của Tập đoàn theo thông lệ quốc tế (Mercer), triển khai áp dụng cho toàn hệ thống.
- Triển khai hệ thống phần mềm quản trị tài chính - kế toán tập trung (sản phẩm đơn vị thành viên trong Tập đoàn triển khai).
- Xây dựng hệ thống CNTT tập trung cấp Tập đoàn.
- Các hoạt động quản trị thường kỳ: Quản trị kế hoạch kinh doanh, quản trị tài chính, đầu tư, nhân sự, quản trị rủi ro...
- Hoàn thành các dự án Tập đoàn: Công bố hệ thống nhận dạng thương hiệu (logo & slogan) mới; Khai trương Trung tâm sáng tạo CMC và công bố Quỹ sáng tạo CMC; chính thức đi vào hoạt động công ty TNHH CMC Global.



## Một số kết quả đạt được trong các hoạt động quản trị:

- **Lĩnh vực tích hợp hệ thống:** Hoàn thiện hệ thống phần mềm, nâng cao năng lực quản trị: Tài chính – Kế toán (CeAC), Quản trị khách hàng, Quản trị triển khai dự án. Ứng dụng phần mềm tự động hóa luồng công việc cho CSKH.
- **Lĩnh vực phần mềm:** Hoàn thiện hệ thống CRM, đưa vào triển khai hệ thống đo hiệu suất; nâng cao năng lực quản trị.
- **Lĩnh vực viễn thông:** Hoàn thiện các công cụ đánh giá năng suất và triển khai phần mềm QLNS. Triển khai thành công hệ thống phần mềm nhân sự, nâng cấp phần mềm quản trị Billing. Xây dựng cổng thu cước điện tử, nâng cao năng lực quản trị và chất lượng dịch vụ khách hàng.
- **Lĩnh vực phân phối:** Công ty hoàn thành xây dựng và đưa vào thực hiện các chỉ tiêu phục vụ hoạt động kiểm soát hàng tồn kho, kiểm soát công nợ. Đào tạo, nâng cao năng lực và chuyên môn cho CBNV; phát triển năng lực dịch vụ Bảo hành, bảo trì.

## Hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư bao gồm đầu tư tài sản/hạ tầng và đầu tư cho SP/DV. Ngân sách đầu tư cho tài sản/hạ tầng viễn thông & CNTT thực hiện hơn 462 tỷ và ngân sách đầu tư sản phẩm, dịch vụ CNTT là 10 tỷ.

- Các dự án đầu tư hạ tầng lớn: Dự án đường trục Bắc Nam; Trung tâm dữ liệu (DC), Khai thác tuyến cáp biển APG...
- Các Sản phẩm, Dịch vụ nổi bật: Chứng chỉ bảo mật PCI DSS; CMC CryptoSHIELD; mạng xã hội EmSV...

## Tổ chức và Nhân sự

- Nguồn nhân lực Tập đoàn tiếp tục tăng trưởng về quy mô và chất lượng. Tính đến hết năm tài chính 2016 (Tháng 03.2017), quy mô nhân sự của Tập đoàn đạt trên 2.100 người, tăng 9% so với năm 2015, với trên 80% nhân sự có trình độ từ Đại học trở lên.

• Nhằm mục đích nâng cao năng lực của CBNV, đáp ứng với môi trường kinh doanh và công nghệ thay đổi liên tục, CMC ngày càng đẩy mạnh công tác đào tạo. Ban điều hành đã ban hành các chính sách và chương trình đào tạo bắt buộc cho cán bộ, nhân viên CMC. Đồng thời thành lập Trung tâm phát triển nguồn lực CMC với nhiệm vụ xây dựng chiến lược đào tạo cho Tập đoàn; xây dựng hệ thống quản trị đào tạo và phát triển nguồn lực; triển khai hoạt động đào tạo, kiểm soát... nâng cao chất lượng đào tạo tại CMC.

• Bên cạnh đó, các chính sách đãi ngộ, chính sách phúc lợi, cơ sở vật chất... và nhiều hoạt động thúc đẩy gắn kết CBNV tiếp tục được đảm bảo và triển khai tốt trong năm 2016. Năm 2016 đã thực hiện các dự án về Quản trị đãi ngộ trong Tập đoàn: Quy hoạch cán bộ chủ chốt, Chính sách đãi ngộ dành cho lãnh đạo...

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với Cộng đồng địa phương

• Bên cạnh việc phát triển kinh doanh và quản trị công ty, CMC nhận thức rõ về trách nhiệm của công ty trong vấn đề tham gia đóng góp xây dựng và phát triển môi trường xã hội.

• Năm 2016, Tập đoàn CMC đã tích cực thực hiện các hoạt động cộng đồng: Tài trợ hoạt động Giáo dục; hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bà mẹ Việt Nam anh hùng...

• **Trách nhiệm với môi trường:** CMC cũng triển khai các hoạt động và chương trình tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBNV; Ưu tiên ứng dụng công nghệ mới; sử dụng vật liệu, thiết bị tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà văn phòng của Công ty, sử dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



### Tài sản, nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng giảm
<b>TÀI SẢN &amp; NGUỒN VỐN</b>			
<b>1. Tài sản</b>	<b>2.418.839</b>	<b>2.195.669</b>	<b>8%</b>
- Ngắn hạn	1.369.835	1.303.119	0%
- Dài hạn	1.049.004	892.550	19%
<b>2. Nguồn vốn</b>	<b>2.418.839</b>	<b>2.195.669</b>	<b>8%</b>
- Nợ ngắn hạn	1.161.233	938.147	17%
- Nợ dài hạn	88.464	160.023	-47%
- Vốn chủ sở hữu	1.169.142	1.097.499	7%
<i>Trong đó:</i>			
• <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>673.420</i>	<i>673.420</i>	<i>0%</i>
• <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>224.324</i>	<i>176.376</i>	<i>27%</i>
<i>Trong đó: Lợi ích được hưởng từ thặng dư vốn cổ phần tại Công ty con (*)</i>	<i>93.376</i>	<i>93.376</i>	<i>0%</i>

(\*) Phân lợi ích được hưởng từ thặng dư vốn cổ phần tại công ty CMC Telecom khi thực hiện phát hành cổ phần mới cho nhà đầu tư nước ngoài và các hoạt động khác.

• Trong năm, Công ty hoàn thành thực hiện tăng vốn ở các đơn vị thành viên như sau:

- Tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn (CMC SISG) từ 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng) lên **40.000.000.000 đồng** (bốn mươi tỷ đồng)

- Tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Netnam từ 12.000.000.000 (Mười hai tỷ đồng) lên 15.000.000.000 (Mười lăm tỷ đồng) thông qua hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu.

• Công ty cũng đã thực hiện hiện mua thêm 88.000 cổ phần của CMC InfoSec từ cổ đông không kiểm soát, với tổng giá trị chuyển nhượng là 1.056.000.000 đồng. Qua đó, tăng tỷ lệ sở hữu của CMC Corp tại CMC InfoSec từ 95,5% lên 99,9%.

• Viện nghiên cứu ứng dụng Công nghệ cao CMC đi vào hoạt động với vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CÁC CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,18	1,39
Hệ số thanh toán nhanh	1,00	1,18
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,52	0,50
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,07	1,00
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho	18,62	19,06
Vòng quay công nợ phải thu	8,20	7,46
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,90	1,87
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Tỷ lệ Lãi gộp %	13,50%	14,42%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần %	4,27%	4,34%
Tỷ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần %	3,57%	3,70%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu %	18,29%	15,97%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản %	5,34%	5,43%

Các chỉ tiêu tài chính duy trì theo hướng tích cực, đảm bảo năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động.

- Chỉ tiêu thanh toán: Công ty duy trì các chỉ số thanh toán và tỷ lệ nợ hợp lý đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Chỉ tiêu cơ cấu vốn: Chỉ tiêu cơ cấu vốn không có biến động đáng kể so với năm trước.
- Chỉ tiêu năng lực hoạt động: Chỉ tiêu vòng quay công nợ và hàng tồn kho đều cải thiện đáng kể so với năm trước.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Tỷ lệ lãi gộp có giảm, tuy nhiên công ty tăng cường quản lý hiệu quả chi phí hoạt động do đó các tỷ lệ lợi nhuận trên vốn tăng nhẹ so với năm trước.

### Giải trình ý kiến kiểm toán

Trong Báo cáo tài chính kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ.

# KẾ HOẠCH KINH DOANH 2017

## MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

### Vị thế của Tập đoàn Công nghệ CMC

Phần đầu là Tập đoàn CNTT và Viễn thông Top 2 Việt Nam với quy mô hơn 2.500 người, là đối tác của nhiều tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới trong lĩnh vực Công nghệ thông tin & Viễn thông. Tập trung phát triển mạnh khối khách hàng tổ chức bao gồm: doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng chính phủ bằng các sản phẩm dịch vụ chuyên nghiệp, chất lượng đẳng cấp quốc tế, hướng tới phát triển thị trường toàn cầu.

### DỰ BÁO TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG 2017

#### Dự báo kinh tế vĩ mô

Stt	Chỉ tiêu vĩ mô	2015	2016	2017F
1	GDP yoy (%)	6,68	6,21%	6,70%
2	CPI yoy (%)	0,6	4,70%	4%
3	Tổng thu NSNN (nghìn tỷ vnd)	884,8	1.039	1.212
4	Tổng chi NSNN (nghìn tỷ vnd)	1.064,50	1.293	1.390
5	Bội chi NSNN	179,7	254	178
6	FDI đăng ký (tỷ USD)	22,76	24,37	10%
7	FDI giải ngân (tỷ USD)	14,5	15,8	
8	Xuất khẩu (tỷ USD)	162,4	176	188
9	Nhập khẩu (tỷ USD)	165,6	173	194
10	Cán cân thương mại (tỷ USD)	-3,17	2,6	-5,5
11	Tỷ giá (VND/USD)	22,485	22.800	23.200
12	Lãi suất cho vay (%)	8,1	6,8 - 9	0,50%
13	Tăng trưởng tín dụng (%)	17,17	16,42	20
14	Nợ xấu (%)	2,72	<3%	<3%

#### Thuận lợi:

- Kinh tế Việt Nam trong năm 2017 được dự báo sẽ khởi sắc hơn khi mức tăng trưởng GDP dự kiến khoảng 6,5% - 6,7%; khả quan hơn tốc độ tăng trưởng năm 2016 (6,21%).

- Lạm phát năm 2017 dự báo tích cực hơn năm 2016, vào khoảng 4% - 4,5%.

- Thu hút vốn đầu tư nước ngoài được kỳ vọng gia tăng trong năm tới. Giá trị FDI giải ngân đăng ký tăng thêm 10% so với năm 2016 (xấp xỉ 26,8 tỷ); giá trị FDI giải ngân cũng tiếp tục tăng

- Dự báo mặt bằng lãi suất năm 2017 sẽ tương đối ổn định và chỉ biến động nhẹ quanh mức cuối năm 2016, mức tăng nếu có sẽ không quá 50 điểm cơ bản (0,5%).

#### Khó khăn:

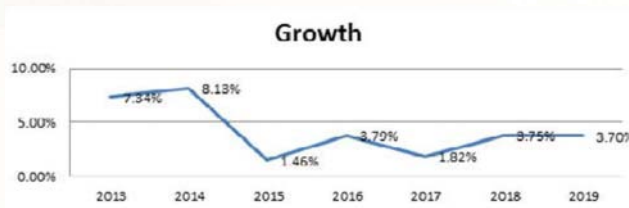
- Thị trường ngoại hối được nhận định sẽ có diễn biến phức tạp hơn trong năm 2017 do sức ép giảm giá VND đến từ nhiều phía.

- Tổng thu ngân sách năm 2017 dự kiến 1.212 nghìn tỷ đồng, tăng xấp xỉ 15% so với năm 2016; tuy nhiên Ngân sách 2017 dự kiến tiếp tục bội chi (xấp xỉ 178 nghìn tỷ đồng)

- Xuất khẩu năm 2017 được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng, tuy nhiên cán cân xuất nhập khẩu dự kiến quay trở về nhập siêu

## Dự báo thị trường CNTT & Viễn thông

### Tốc độ tăng trưởng thị trường CNTT Việt Nam



- Thị trường CNTT Việt Nam 2017 tiếp tục giữ đà tăng trưởng, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng suy giảm (1,82%) ảnh hưởng lớn do nhu cầu Phần cứng năm 2017 (chiếm tỷ trọng lên đến 72%) giảm 1,95% so với 2016

### Nhu cầu thị trường theo Sản phẩm/Dịch vụ

- Thị trường Phần cứng năm 2017 suy giảm mạnh (-1,9%), trong đó đặc biệt là PC (-10,8%) và Monitor (-5,7%)
- Thị trường Dịch vụ CNTT và Phần mềm tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao: Dịch vụ CNTT (13,8%) và Software (11,9%)

### Nhu cầu thị trường theo nhóm khách hàng

- **Nhận xét chung:** Consumer, Viễn thông, Ngân hàng, Doanh nghiệp sản xuất và Chính phủ vẫn tiếp tục là các đối tượng có mức đầu tư IT lớn.

-Consumer: nhu cầu phần cứng giảm 6,98% trong năm 2017 nhưng vẫn giữ tỷ trọng cao nhất trong các thị trường

-Viễn thông nhu cầu tăng ở cả 3 mảng: Phần cứng (tăng 2,4%); Dịch vụ IT (13,6%) và Phần mềm (12,7%)

-Ngân hàng giảm về nhu cầu phần cứng (-1,7%), tuy nhiên cả nhu cầu Dịch vụ IT và Phần mềm đều tăng: Dịch vụ IT (tăng 15,5%); Phần mềm (tăng 11%)

-Doanh nghiệp sản xuất giảm nhu cầu về phần cứng (-4,3%), tuy nhiên nhu cầu Dịch vụ IT vẫn tăng 14,2% và Phần mềm tăng 14,7%

-Khối Chính phủ duy trì nhu cầu phần cứng tương đương năm 2016, đồng thời nhu cầu Dịch vụ IT cũng tăng 13% và Phần mềm tăng 9,5%.

## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2017

### Định hướng chiến lược các lĩnh vực kinh doanh

Căn cứ vào chiến lược 3 năm của Tập đoàn 2016-2018, Tập đoàn tiếp tục tập trung phát triển với 3 lĩnh vực kinh doanh chính gồm: Dịch vụ tích hợp và CNTT, Dịch vụ phần mềm và Dịch vụ viễn thông. Tái cơ cấu Lĩnh vực phân phối và dịch chuyển sang kinh doanh dịch vụ CNTT.



#### Lĩnh vực tích hợp

- Duy trì Top 2 công ty Tích hợp hệ thống hàng đầu Việt Nam, hướng tới cung cấp dịch vụ toàn cầu.
- Là công ty có giải pháp hạ tầng CNTT, đặc biệt là giải pháp ANATTT số 1 Việt Nam.
- Đầu tư năng lực về giải pháp ngành trong các lĩnh vực: Tài chính ngân hàng, Doanh nghiệp.



#### Lĩnh vực phần mềm

- Top 5 công ty Phần mềm hàng đầu Việt Nam; cung cấp dịch vụ OS toàn cầu.
- Công ty có sản phẩm phần mềm như Văn phòng Điện tử/Quản lý văn bản và điều hành, Sản phẩm Phòng công chứng, Sản phẩm quản trị Doanh nghiệp- Kế toán... đạt vị trí hàng đầu.
- Đầu tư năng lực cung cấp các giải pháp phần mềm trong các lĩnh vực tài chính ngân hàng, tài chính công và doanh nghiệp.



#### Lĩnh vực viễn thông

- Top 4 doanh nghiệp hạ tầng Viễn thông hàng đầu VN.
- Trở thành lựa chọn số 1 của các doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế về dịch vụ tích hợp VT - CNTT



#### Lĩnh vực phân phối, lắp ráp

- Giảm tỷ trọng phân phối và chuyển dịch sang lĩnh vực dịch vụ CNTT
- Tiếp tục duy trì vị trí nhà sản xuất máy tính số 1 tại Việt Nam
- Là công ty dịch vụ về bảo hành, bảo trì và sửa chữa điện tử hàng đầu Việt Nam cho các hãng ICT uy tín và khách hàng Doanh Nghiệp.

# CHỈ TIÊU KINH DOANH 2017

Chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tăng trưởng
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.894.858</b>	<b>4.783.798</b>	<b>2%</b>
<b>Doanh thu thuần hợp nhất</b> <i>(sau loại trừ doanh thu các đơn vị liên kết &amp; nội bộ)</i>	<b>4.430.580</b>	<b>4.384.363</b>	<b>1%</b>
<b>Lãi gộp (Lãi Biến phí)</b>	<b>1.259.259</b>	<b>915.821</b>	<b>38%</b>
Chi phí hoạt động (Định phí)	793.805	559.991	42%
<b>Lợi nhuận trước Lãi vay, Thuế và Khấu hao Phân bổ (EBITDA)</b>	<b>465.454</b>	<b>355.831</b>	<b>31%</b>
Khấu hao	214.182	149.529	43%
Lợi nhuận ròng hoạt động kinh doanh	251.272	206.302	22%
Chi phí Tài chính (Ròng)	20.506	3.439	496%
Thu nhập khác (Ròng)	7.685	10.251	-25%
<b>Lợi nhuận trước thuế trên BCHN</b>	<b>207.734</b>	<b>187.214</b>	<b>11%</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế thuộc về CMC</b>	<b>149.445</b>	<b>145.091</b>	<b>3%</b>

(\*) Doanh thu thuần trong chỉ tiêu kế hoạch bao gồm chỉ tiêu doanh thu của các đơn vị liên doanh, liên kết.

(\*\*) Kết quả kinh doanh năm 2016 có thực hiện phân loại lại cho tương ứng số kế hoạch năm 2017.

Chi tiết chỉ tiêu doanh thu & lợi nhuận theo từng lĩnh vực như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lĩnh vực	2017 - Kế Hoạch		2016 - Thực hiện		Tăng trưởng	
	Doanh thu	Lợi nhuận TT	Doanh thu	Lợi nhuận TT	Doanh thu	Lợi nhuận TT
Lĩnh vực Dịch vụ Tích hợp	2.375.592	63.717	2.024.974	57.235	17%	11%
Lĩnh vực Dịch vụ Phần mềm	274.575	14.169	236.121	8.955	16%	58%
Lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông	1.587.989	164.890	1.252.598	124.369	27%	33%
Lĩnh vực Phân phối & Lắp ráp	289.495	1.208	305.733	573	-5%	111%
Lĩnh vực khác	291.537	12.620	931.437	19.507	-69%	-35%
Các lĩnh vực đầu tư mới	75.670	(17.590)	32.936	2.476	130%	-810%
<b>Tổng</b>	<b>4.894.858</b>	<b>239.014</b>	<b>4.783.798</b>	<b>213.115</b>	<b>2%</b>	<b>12%</b>
<b>Báo cáo hợp nhất</b>	<b>4.430.580</b>	<b>207.734</b>	<b>4.384.363</b>	<b>187.214</b>	<b>1%</b>	<b>11%</b>

(\*) Một số mảng kinh doanh trong lĩnh vực Phần mềm và lĩnh vực Phân phối & Lắp ráp đã được chuyển qua nhóm lĩnh vực khác cho phù hợp với định hướng chiến lược và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Tập đoàn trong năm tới.

(\*\*) Kết quả Doanh thu năm 2016 có thực hiện phân loại lại ở lĩnh vực khác cho tương ứng với Kế hoạch 2017.

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2017

FM Ban điều hành

Chủ tịch Hội đồng quản trị / Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Chính



BÁO CÁO CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

## Đánh giá kết quả kinh doanh

Năm 2016, năm Tập đoàn Công nghệ CMC tiếp tục có một năm hoàn thành vượt mức so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã thông qua đầu năm với những chỉ số chính như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất Tập đoàn đạt 4.384 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với năm trước và đạt 115% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 187 tỷ đồng; tăng trưởng 17% so với năm trước, và đạt 104% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế thuộc về CMC đạt trên 123 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch năm và tăng trưởng 15% so với năm 2015.

- Các lĩnh vực kinh doanh chính đều hoàn thành và vượt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

+ Dịch vụ tích hợp hệ thống: doanh thu tăng trưởng 33%;

+ Dịch vụ phần mềm: doanh thu tăng trưởng 36%;

+ Dịch vụ viễn thông: doanh thu tăng trưởng 26%

Lĩnh vực sản xuất và phân phối chưa hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm.

- Chi phí hoạt động và chi phí tài chính được kiểm soát dưới mức kế hoạch đề ra.

Đây thực sự là thành quả đáng được ghi nhận, thể hiện sự nỗ lực hết sức mình của toàn thể cán bộ nhân viên tập đoàn trong năm vừa qua.

## Đánh giá về các hoạt động nổi trội của Hội đồng quản trị trong năm 2016

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo, và đưa ra các nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành tổ chức thực hiện.

### Hoạt động quản trị thường kỳ:

- Hội đồng quản trị công ty họp thường kỳ hàng quý để nghe báo cáo về kết quả hoạt động của toàn tập đoàn, tham gia họp giao ban tổng kết quý

với từng công ty thành viên để phân tích đánh giá những mặt được và chưa được, đề ra phương án hành động cho quý tiếp theo nhằm ứng phó với những biến động của nền kinh tế, những thay đổi về mặt chính sách của nhà nước.

### Hoạt động xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh:

- Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2016 và Chiến lược Công ty giai đoạn 2016 – 2018 cho các đơn vị thành viên.

- Thúc đẩy việc triển khai các chương trình xây dựng năng lực cạnh tranh dài hạn.

- Tổ chức đánh giá các đề án khả thi, dự án đầu tư của các đơn vị trong tập đoàn

- Tổ chức các hoạt động trao đổi với các chuyên gia để nâng cao năng lực quản trị cũng như cập nhật thông tin về thị trường và kinh tế vĩ mô.

### Các hoạt động khác:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

- Phê duyệt việc ban hành Quy chế thu nhập và Quy chế quản lý năng suất và thưởng năng suất Tập đoàn Công nghệ CMC.

- Phê duyệt việc xin cấp hạn mức tín dụng tại ngân hàng cho công ty mẹ và các công ty thành viên trong tập đoàn tại các ngân hàng MBank, BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Agribank.

- Phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, lương thưởng, thu nhập thành viên Ban điều hành Công ty và các công ty thành viên theo thẩm quyền.

- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm của CMC và các đơn vị thành viên.

- Phê duyệt việc đầu tư thành lập Công ty TNHH CMC Global.

## Đánh giá hoạt động của Ban điều hành năm 2016

Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban điều hành trong năm 2016, ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó:

-Ban điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.

-Công tác giám sát, hỗ trợ các công ty thành viên trong hoạt động kinh doanh được thực hiện rất sát sao thông qua việc đánh giá kết quả kinh doanh, chỉ tiêu phát triển hàng tháng, quý. Kịp thời phát hiện và có hành động khắc phục đối với những điểm yếu và bất cập.

-Giám sát và thúc đẩy các đơn vị thành viên triển khai chiến lược kinh doanh, chiến lược chức năng nhằm đạt các mục tiêu đã đề ra cho năm 2016; đồng thời tổ chức cập nhật và điều chỉnh chiến lược công ty đến năm 2018.

-Ban điều hành đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời như vậy, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra.

-Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của Hội đồng quản trị.



# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2016

Thành viên & cơ cấu của Hội đồng quản trị đương nhiệm (nhiệm kỳ 2016-2021)



Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch



Hoàng Ngọc Hùng  
Phó Chủ tịch



Đào Mạnh Kháng  
Phó Chủ tịch



Tạ Hoàng Linh  
Thành viên



Nguyễn Phước Hải  
Thành viên



Nguyễn Minh Đức  
Thành viên



Trương Tuấn Lâm  
Thành viên



Nguyễn Tường Vy  
Thành viên



Nguyễn Kim Cường  
Thành viên

**Danh sách thành viên HĐQT trong kỳ**

Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Số lượng chức danh thành viên HĐQT đang nắm giữ tại công ty khác
Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch HĐQT	7/7/2011	1,0%	2
Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	7/7/2011	0,16%	3
Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch HĐQT	29/6/2016	0,0%	2
Tạ Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	7/7/2011	0,38%	0
Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	7/7/2011	3,09%	0
Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	7/7/2011	0,0%	1
Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	28/1/2016	0,0%	0
Nguyễn Tường Vy	Thành viên HĐQT	29/6/2016	0,0%	0
Nguyễn Kim Cương	Thành viên HĐQT	29/6/2016	0,03%	1
Hà Thế Minh	Chủ tịch HĐQT	Từ trần ngày 19/9/2016	1,0%	2
Vũ Văn Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	Hết nhiệm kỳ ngày 29/6/2016	0,0%	5

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Với vai trò là công ty mẹ đầu tư vốn và quản lý hoạt động của các đơn vị thành viên, các ban chức năng của Tập đoàn như Ban Tài chính- Kế hoạch, Ban Chiến lược, Ban Đầu tư, Ban Nhân sự, Ban Marketing và Truyền thông, Ban Pháp chế chịu trách nhiệm triển khai các công việc chuyên môn, quản lý và giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên, cung cấp thông tin và báo cáo lên Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Văn phòng Hội đồng Quản trị giúp việc cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty trong việc tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường, lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản khi cần thiết, soạn thảo và ban hành các văn bản, tài liệu của HĐQT tuân thủ các quy chế hoạt động nội bộ, Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định khác. VP HĐQT cũng là đầu mối phụ trách công tác quan hệ cổ đông và quản lý cổ phần cổ phiếu của công ty. Hàng năm VP HĐQT chịu trách nhiệm chính và phối hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (hoặc bất thường nếu có) của công ty. VP Hội đồng quản trị cũng là kênh liên lạc giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát với các ban chức năng của công ty.

**DANH MỤC NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2016**

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
06/2016/NQ-HĐQT	11/4/2016	Phê duyệt việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật và Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn
07/2016/NQ-HĐQT	15/4/2016	Phê duyệt Quy chế thu nhập Tập đoàn Công nghệ CMC bản điều chỉnh sửa đổi lần 1
08/2016/NQ-HĐQT	19/4/2016	Phê duyệt việc xin cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh và mở L/C tại Ngân hàng Mbank CN Sài Gòn
09/2016/NQ-HĐQT	22/4/2016	Phê duyệt cấp bậc vị trí và thu nhập năm 2016 của vị trí Giám đốc Tài chính Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC
10/2016/NQ-HĐQT	26/4/2016	Phê duyệt việc xin cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh và mở L/C tại Ngân hàng Mbank CN Hoàn Kiếm
11/2016/NQ-HĐQT	06/5/2016	Họp HĐQT thường kỳ Quý I 2016
12/2016/NQ-HĐQT	06/5/2016	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
13/2016/NQ-HĐQT	19/5/2016	Phê duyệt quy chế quản lý năng suất và thưởng năng suất Tập đoàn Công nghệ CMC
14/2016/NQ-HĐQT	02/6/2016	Kế hoạch kinh doanh năm 2016 và Chiến lược Công ty giai đoạn 2016 - 2018
15/2016/NQ-HĐQT	21/6/2016	Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2011 - 2016
16/2016/NQ-HĐQT	21/6/2016	Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
17/2016/NQ-HĐQT	21/6/2016	Đề cử ứng viên tham gia Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2016 - 2021

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
18/2016/NQ-HĐQT	29/6/2016	Bổ nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2021
19/2016/NQ-HĐQT	05/7/2016	Phê duyệt hạn mức thấu chi của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD 1
20/2016/NQ-HĐQT	08/7/2016	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cáp xuyên Việt (CVCS)
21/2016/NQ-HĐQT	08/7/2016	Phê duyệt Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC
22/2016/NQ-HĐQT	08/7/2016	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
23/2016/NQ-HĐQT	13/7/2016	Phê duyệt cấp bậc vị trí và thu nhập đối với vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
24/2016/NQ-HĐQT	13/7/2016	Phê duyệt cấp bậc vị trí và thu nhập đối với vị trí Tổng Giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC
25/2016/NQ-HĐQT	15/7/2016	Phê duyệt việc xin cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh và mở LC tại Ngân hàng Vietinbank CN Hoàn Kiếm cho Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC
26/2016/NQ-HĐQT	27/7/2016	Kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2015
27/2016/NQ-HĐQT	02/8/2016	Thông qua việc mua lại cổ phần của các cổ đông nhỏ Công ty CP An ninh An toàn Thông tin CMC
28/2016/NQ-HĐQT	02/8/2016	Họp HĐQT thường kỳ Quý II/2016
29/2016/NQ-HĐQT	19/8/2016	Cử người đại diện theo ủy quyền tại Công ty CP NetNam
30/2016/NQ-HĐQT	19/8/2016	Thông qua phương án chia quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2015
31/2016/NQ-HĐQT	16/9/2016	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính kết thúc năm tài chính 2016 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty thành viên (không bao gồm Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC)
32/2016/NQ-HĐQT	28/10/2016	Phê duyệt việc Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC xin cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch
33/2016/NQ-HĐQT	28/10/2016	Họp Hội đồng quản trị thường kỳ Quý III 2016
34/2016/NQ-HĐQT	08/11/2016	Phê duyệt việc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC xin cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh và mở LC tại Agribank Chi nhánh Mỹ Đình
35/2016/NQ-HĐQT	25/11/2016	Phê duyệt việc Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC xin cấp hạn mức bảo lãnh, cho vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Nam Thăng Long
01/2017/NQ-HĐQT	03/02/2017	Phê duyệt việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất và Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC
02/2017/NQ-HĐQT	03/02/2017	Phê duyệt cấp bậc vị trí và điều chỉnh mức lương/thu nhập cho các lãnh đạo cấp Tập đoàn và đơn vị thành viên
03/2017/NQ-HĐQT	09/02/2017	Họp Hội đồng quản trị thường kỳ Quý IV năm 2016
04/2017/NQ-HĐQT	09/03/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Nhân sự Công ty CPTập đoàn Công nghệ CMC
05/2017/NQ-HĐQT	15/03/2017	Đầu tư thành lập Công ty TNHH CMC GLOBAL) Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
06/2017/NQ-HĐQT	30/03/2017	Thành lập Trung tâm Phát triển nguồn lực CMC

Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không

Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

# BAN KIỂM SOÁT

## Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm (nhiệm kỳ 2016 – 2021)



Nguyễn Đức Khương

Trương Thanh Phúc

Vũ Thị Phương Thanh

Nguyễn Thành Nam

Danh sách thành viên Ban kiểm trong nhiệm kỳ:

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Nguyễn Đức Khương	Trưởng BKS	29/6/2016	0,0%	1/1	100%
Trương Thanh Phúc	Thành viên BKS	01/7/2013	0,0%	2/2	100%
Vũ Thị Phương Thanh	Thành viên BKS	29/6/2016	0,0%	1/1	100%
Nguyễn Thành Nam	Thành viên BKS	29/6/2016	0,0%	1/1	100%
Nguyễn Kim Cương	Trưởng BKS	Hết nhiệm kỳ	0.03%	1/1	100%
Đào Mạnh Kháng	TV BKS	ngày 29/6/2016	0.00%	1/1	100%

## Hoạt động của Ban kiểm soát

Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo Luật Doanh nghiệp, theo Điều lệ công ty và các Nghị quyết của Đại hội cổ đông đã thông qua.

Tham gia đầy đủ và góp ý kiến các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành bàn về xây dựng chiến lược, bảo vệ kế hoạch SXKD, định hướng hoạt động của các công ty thành viên, bổ nhiệm/miễn nhiệm nhân sự cao cấp, ban hành các quy chế quản lý nội bộ và triển khai các công tác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Cho ý kiến với Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị tư vấn Kiểm toán theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

Phối hợp cùng Kiểm toán nội bộ, ban Tài chính, ban Pháp chế kiểm tra, kiểm toán theo chuyên đề ở các công ty thành viên.

Xem xét định kỳ báo cáo tài chính Quý và Năm 2016 do Ban Điều hành và Ban Tài chính cung cấp.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và Tên	Chức vụ	Tổng thù lao /năm (VNĐ)	Thưởng (VNĐ) năm 2015
Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch HĐQT	69.000.000	150.900.000
Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	57.000.000	109.000.000
Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch HĐQT	54.000.000	48.900.000
Tạ Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	48.000.000	109.000.000
Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	48.000.000	109.000.000
Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	48.000.000	83.800.000
Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	48.000.000	16.800.000
Nguyễn Tường Vy	Thành viên HĐQT	36.000.000	-
Hà Thế Minh	Chủ tịch HĐQT (Từ trần ngày 19/6/2016)	18.000.000	150.900.000
Vũ Văn Tiền	Phó Chủ tịch HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 29/6/2016)	15.000.000	83.800.000
Nguyễn Kim Cương	Thành viên HĐQT	48.000.000	44.000.000
Nguyễn Đức Khương	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000	-
Trương Thanh Phúc	Thành viên BKS	36.000.000	48.900.000
Nguyễn Thành Nam	Thành viên BKS	27.000.000	-
Vũ Thị Phương Thanh	Thành viên BKS	27.000.000	-

### - Thưởng:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2016, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thưởng 1.075.162.086 đồng do công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2015. Số tiền thưởng đã chi trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát căn cứ theo đóng góp của từng thành viên trong năm là 1,075,160,000 đồng.



## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2017

Năm 2017, Hội đồng quản trị đặt mục tiêu kinh doanh chính là 4.430 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất (đã loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết và nội bộ) và 207 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế hợp nhất.

Hội đồng quản trị CMC vẫn tiếp tục chú trọng đến yếu tố an toàn, khả thi, cố gắng thực hiện những mục tiêu đã đề ra, hạn chế tối đa những rủi ro với các biện pháp chính sẽ thực hiện là:

(1) Tập trung vào việc giám sát, kiểm soát việc thực thi chiến lược 2016 – 2018 tầm nhìn 2020 của các đơn vị thành viên, trong đó chú trọng vào lĩnh vực cốt lõi của CMC là tích hợp hệ thống, viễn thông và phần mềm. Triển khai xây dựng các chương trình chiến lược thành phần như synergy, phát triển lãnh đạo và xây dựng văn hoá công ty.

(2) Tăng cường công tác giám sát hoạt động kinh doanh và đưa ra những chỉ đạo kịp thời nhất để đảm bảo kế hoạch đã đề ra.

(3) Kiểm soát rủi ro.

(4) Kiểm soát chi phí để nâng cao hiệu quả lợi nhuận.

(5) Phát triển và thu hút nhân tài, đặc biệt là các lãnh đạo và quản lý cao cấp làm nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ vào các năm tiếp theo.

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2017

**TM. Hội đồng Quản trị**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Nguyễn Trung Chính**





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
KIỂM TOÁN 2016

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy tính Truyền thông) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội 07 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi mã số doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, cổ đông sáng lập và địa chỉ trụ sở chính.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 04. 3 795 8668
- Fax : 04. 3 795 8898

### Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật - chi tiết: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông; triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm từ kết quả nghiên cứu khoa học;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: dịch vụ khoa học và công nghệ; tư vấn, chuyển giao công nghệ, thông tin khoa học và công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê - chi tiết: dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - chi tiết: Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá - chi tiết: đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác – chi tiết: mua bán trang thiết bị y tế;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính – chi tiết: dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất linh kiện điện tử - chi tiết: sản xuất lắp ráp thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính – chi tiết: sản xuất lắp ráp các sản phẩm tin học;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) – chi tiết: sản xuất lắp ráp mua bán bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ thiết bị văn phòng;
- Sửa chữa máy móc thiết bị - chi tiết: bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin điện tử, phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- Xuất bản phần mềm – chi tiết: sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; gia công và xuất khẩu phần mềm;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu – chi tiết: tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại – chi tiết: tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu – chi tiết: tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm/ miễn nhiệm
Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Nguyễn Tường Vy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Nguyễn Kim Cương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Nguyễn Phước Hải	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Nguyễn Minh Đức	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Tạ Hoàng Linh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Trương Tuấn Lâm	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Hà Thế Minh	Chủ tịch	Ông Hà Thế Minh mất ngày 19/6/2016
Vũ Văn Tiên	Phó Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ ngày 29 tháng 6 năm 2016

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm/ miễn nhiệm
Nguyễn Đức Khương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Trương Thanh Phúc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Vũ Thị Phương Thanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Nguyễn Thành Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016
Nguyễn Kim Cương	Trưởng ban	Hết nhiệm kỳ ngày 29 tháng 6 năm 2016
Đào Mạnh Kháng	Ủy viên	Hết nhiệm kỳ ngày 29 tháng 6 năm 2016

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ
Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc
Nguyễn Phước Hải	Phó Tổng Giám đốc
Hoàng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Lê Thanh Sơn	Giám đốc tài chính

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Tập đoàn.

## Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban điều hành Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, Ngày 15 tháng 06 năm 2017

**Thay mặt Ban điều hành,  
Chủ tịch Hội đồng quản trị / Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Trung Chính**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 15 tháng 6 năm 2017, từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội

Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2017

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,369,834,579,129</b>	<b>1,303,118,952,471</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>125,069,823,641</b>	<b>87,680,257,918</b>
1. Tiền	111		63,865,046,141	82,650,257,918
2. Các khoản tương đương tiền	112		61,204,777,500	5,030,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>240,801,057,700</b>	<b>238,980,223,937</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	240,801,057,700	238,980,223,937
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>710,502,382,912</b>	<b>716,529,219,782</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	687,830,624,697	649,537,457,371
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28,784,636,556	40,371,186,168
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	3,900,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	75,773,534,036	101,500,873,156
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(81,886,412,377)	(78,780,296,913)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>209,148,554,633</b>	<b>198,201,591,456</b>
1. Hàng tồn kho	141		211,517,622,322	201,587,034,367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,369,067,689)	(3,385,442,911)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>84,312,760,243</b>	<b>61,727,659,378</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	27,071,245,952	23,971,301,685
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56,268,961,939	34,450,852,993
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	972,552,352	3,305,504,700
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,049,004,759,182</b>	<b>892,550,508,826</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7,912,585,366</b>	<b>3,744,317,514</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	7,912,585,366	3,744,317,514
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>788,617,102,999</b>	<b>571,360,503,670</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	618,925,049,185	532,482,358,768
<i>Nguyên giá</i>	222		984,054,623,940	805,725,117,076
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(365,129,574,755)	(273,242,758,308)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	169,692,053,814	38,878,144,902
<i>Nguyên giá</i>	228		210,308,356,361	68,102,437,249
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(40,616,302,547)	(29,224,292,347)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>81,237,350,418</b>	<b>151,700,808,422</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	81,237,350,418	151,700,808,422
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30,540,987,817</b>	<b>24,817,732,234</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	29,437,750,312	23,837,732,234
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	1,666,417,400	1,666,417,400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(686,417,400)	(686,417,400)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	123,237,505	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>140,696,732,582</b>	<b>140,927,146,986</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	136,677,595,367	136,233,644,225
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22b	389,510,492	450,249,832
5. Lợi thế thương mại	269	V.13	3,629,626,723	4,243,252,929
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,418,839,338,311</b>	<b>2,195,669,461,297</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,249,697,834,052</b>	<b>1,098,170,069,890</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,161,233,431,986</b>	<b>938,146,865,715</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	396,555,674,639	315,110,390,205
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	60,580,210,150	54,512,039,866
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	26,635,773,592	31,208,612,230
4. Phải trả người lao động	314		78,145,894,307	62,035,344,557
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	104,556,998,450	70,067,833,171
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18a	128,338,818,935	48,267,456,530
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	44,242,169,618	41,832,036,185
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	309,290,894,478	300,858,966,483
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	6,104,784,784	6,627,712,387
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,782,213,033	7,626,474,101
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>88,464,402,066</b>	<b>160,023,204,175</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18b	25,247,342,200	41,178,132,848
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	9,835,237,742	14,858,414,063
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	42,197,185,183	100,835,467,983
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22b	1,705,244,305	1,763,240,645
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		35,000,000	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.23	9,444,392,636	1,387,948,636
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,169,141,504,259</b>	<b>1,097,499,391,407</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>1,169,141,504,259</b>	<b>1,097,499,391,407</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		673,419,530,000	673,419,530,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		673,419,530,000	673,419,530,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14,895,512,634	14,895,512,634
5. Cổ phiếu quỹ	415		(6,840,260,634)	(6,840,260,634)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		431,436,000	431,436,000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		224,324,078,760	176,375,861,039
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		117,326,511,958	176,375,861,039
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		106,997,566,802	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		262,911,207,499	239,217,312,368
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,418,839,338,311</b>	<b>2,195,669,461,297</b>

Lập, ngày 15 tháng 6 năm 2017

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính



Lê Thanh Sơn

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
kiểm Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Chính

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND


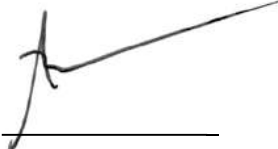
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4,390,797,143,568	3,704,396,584,216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6,434,099,006	10,583,369,477
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10		4,384,363,044,562	3,693,813,214,739
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3,792,680,716,517	3,161,048,429,831
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		591,682,328,045	532,764,784,908
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	20,716,545,382	16,623,336,361
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	28,002,320,360	32,705,994,655
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26,357,462,659	25,970,916,609
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên k	24		13,009,104,718	9,726,293,956
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	237,709,256,553	212,413,834,855
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	183,625,193,593	163,660,774,472
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		176,071,207,639	150,333,811,243
12. Thu nhập khác	31	VI.8	14,624,152,545	15,946,822,110
13. Chi phí khác	32	VI.9	3,481,438,608	5,903,411,805
14. Lợi nhuận khác	40		11,142,713,937	10,043,410,305
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		187,213,921,576	160,377,221,548
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	30,504,449,948	23,553,516,206
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	2,743,000	96,214,076
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>156,706,728,628</u>	<u>136,727,491,266</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>123,159,976,015</u>	<u>107,516,208,600</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>33,546,752,613</u>	<u>29,211,282,666</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>1,625</u>	<u>1,518</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	<u>1,625</u>	<u>1,518</u>

Lập, ngày 15 tháng 6 năm 2017

Người lập biểu/Kế toán trưởng

Giám đốc tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
kiểm Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Hồng Phương  
Lê Thanh Sơn  
Nguyễn Trung Chính



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>187,213,921,576</b>	<b>160,377,221,548</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	104,078,082,068	80,949,207,881
- Các khoản dự phòng	03	1,601,812,639	2,181,498,229
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	362,684,335	661,961,884
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30,519,522,867)	(18,258,777,931)
- Chi phí lãi vay	06 VI.5	26,357,462,659	25,970,916,609
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(256,414,542)	1,387,948,636
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>288,838,025,868</b>	<b>253,269,976,856</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(44,190,882,395)	(25,227,616,494)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9,930,587,955)	(66,211,546,865)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	109,309,832,221	102,192,522,144
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3,543,895,409)	(27,188,160,006)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25,181,604,266)	(25,233,139,156)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.16	(31,248,457,907)	(12,621,498,213)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12,994,094,836)	(10,232,289,954)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>271,058,335,321</b>	<b>188,748,248,312</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(163,995,941,165)	(140,432,232,101)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	18,670,000,000	9,568,472,553
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(162,338,013,568)	(252,359,670,937)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	164,293,942,300	13,427,447,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,056,000,000)	(980,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26,627,234,264	3,364,316,371
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(117,798,778,169)</b>	<b>(367,411,667,114)</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	253,651,462,326
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	2,268,125,295,147	1,691,817,508,505
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(2,322,400,969,520)	(1,756,892,480,701)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(61,582,521,320)	(2,112,200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(115,858,195,693)</b>	<b>188,574,377,930</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>37,401,361,459</b>	<b>9,910,959,128</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>87,680,257,918</b>	<b>78,178,073,117</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		(11,795,736)	(408,774,327)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>125,069,823,641</b>	<b>87,680,257,918</b>

Lập, ngày 15 tháng 6 năm 2017

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính



Lê Thanh Sơn

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Kiểm Tổng Giám đốc




Nguyễn Trung Chính

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ;
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ, thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;
- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 9 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

*Mua thêm vốn góp tại công ty con*

Ngày 31 tháng 8 năm 2016, Tập đoàn đã mua thêm 4,4% cổ phần của Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 99,90% từ ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC tại ngày mua là 10.011.917.174 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 440.524.356 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC được thành lập theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2014/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2014 và Quyết định số 25/2014/QĐ-CTHĐQT ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Chủ tịch Hội đồng quản trị với vốn điều lệ là 5.000.000.000 VND. Trong năm Tập đoàn mới bắt đầu thực hiện góp vốn vào đơn vị này.

Công ty TNHH CMC Global được thành lập theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 15 tháng 3 năm 2017 với số vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND. Trong tháng 4 năm 2017, Tập đoàn đã thực hiện góp đủ vốn theo cam kết.

## 5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Hà Nội	Phân phối các sản phẩm CNTT	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%	54,63%	54,63%
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an ninh thông tin	99,9%	95,5%	99,9%	95,5%
Công ty TNHH CMC Blue France	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Máy tính CMS (ii)	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp phân phối máy tính	100%	100%	100%	100%

- (i) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn thông qua Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC.
- (ii) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Máy tính CMS thông qua Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC.

## 5c. Danh sách các Công ty con không được hợp nhất

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107786442 ngày 31 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH CMC Global (sau đây gọi tắt là CMC Global) là 20.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa góp vốn điều lệ vào Công ty con này. Năm tài chính đầu tiên của CMC Global từ đầu từ 01 tháng 04 năm 2017 nên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2017, báo cáo tài chính của CMC Global không được hợp nhất cùng Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

## 5d. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Hà Nội	Sản xuất, cung cấp dịch vụ phần mềm	49,90%	49,90%	49,90%	49,90%
Công ty Cổ phần Netnam	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ về mạng internet	41,14%	41,14%	41,14%	41,14%

## 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

## **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.769 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (không bao gồm số công nhân viên đang làm việc tại các công ty liên doanh, liên kết) (Tại 01/4/2016 là 1.611 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **Các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.



- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
  - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
- Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (48 năm).

### **Chi phí đầu tư sản phẩm phần mềm**

Các dự án đầu tư sản phẩm phần mềm đã hoàn thành và không đăng ký sở hữu trí tuệ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 03 đến 10 năm.

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	05 - 07

## 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

### **Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

### **Bản quyền, bằng sáng chế**

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

### **Nhãn hiệu hàng hóa**

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 – 10 năm.

### **Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình khác khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 – 07 năm.

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ

sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 0,5% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa (năm trước là 0,5%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

## 15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

## 16. Vốn chủ sở hữu

### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## 17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

### Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá tỷ lệ phần trăm (%) chi phí nhân công đã phát sinh so với tổng chi phí nhân công ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Đối với tiền cước trả trước lần đầu dịch vụ FTTH và EOC của khách hàng mới phát sinh trong năm tài chính, Tập đoàn ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền cước trả trước của các khách hàng này, không thực hiện phân bổ doanh thu cho các kỳ cước tương ứng.

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- 
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

## **20. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi

suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## 25. Công cụ tài chính

### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tại 31/3/2017</u>	<u>Tại 01/4/2016</u>
Tiền mặt	3.637.281.106	6.968.616.601
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.227.765.035	75.681.641.317
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	61.204.777.500	5.030.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>125.069.823.641</u></b>	<b><u>87.680.257.918</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại 31/3/2017		Tại 01/4/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	240.801.057.700	240.801.057.700	238.980.223.937	238.980.223.937
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	123.237.505	123.237.505		
<b>Cộng</b>	<b><u>240.924.295.205</u></b>	<b><u>240.924.295.205</u></b>	<b><u>238.980.223.937</u></b>	<b><u>238.980.223.937</u></b>

#### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Tại 31/3/2017			Tại 01/4/2016		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
- Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	4.990.000.000	3.361.976.049	8.351.976.049	4.990.000.000	1.908.891.693	6.898.891.693
- Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	13.827.418.263	21.085.774.263	7.258.356.000	9.680.484.541	16.938.840.541
<b>Cộng</b>	<b><u>12.248.356.000</u></b>	<b><u>17.189.394.312</u></b>	<b><u>29.437.750.312</u></b>	<b><u>12.248.356.000</u></b>	<b><u>11.589.376.234</u></b>	<b><u>23.837.732.234</u></b>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	<u>Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber CMC</u>	<u>Công ty Cổ phần Netnam</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị phần sở hữu tại 01/4/2016	6.898.891.693	16.938.840.541	23.837.732.234
Phân lãi/(lỗ) trong năm	2.645.130.731	10.363.973.987	13.009.104.718
Trích lập quỹ tại công ty liên kết	(50.354.998)	(1.024.786.575)	(1.075.141.573)
Chia cổ tức tại Công ty liên kết	(1.147.700.000)	(5.121.954.900)	(6.269.654.900)
Điều chỉnh lãi/lỗ năm trước của Công ty liên kết	6.008.623	(70.298.790)	(64.290.167)
<b>Giá trị phần sở hữu tại 31/3/2017</b>	<b><u>8.351.976.049</u></b>	<b><u>21.085.774.263</u></b>	<b><u>29.437.750.312</u></b>

*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với các công ty liên kết*



Các giao dịch chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC Công ty Cổ phần Netnam	1.873.438.630 6.835.748.549	750.156.669
Mua hàng hóa và dịch vụ của Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	57.750.000	47.016.725
Cổ tức lợi nhuận được chia từ Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC Công ty Cổ phần Netnam	1.147.700.000 5.121.951.500	

## 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại 31/3/2017		Tại 01/4/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vijasgate	627.044.400	(627.044.400)	627.044.400	(627.044.400)
Công ty TNHH Viễn thông VTCAB & CMC	980.000.000		980.000.000	
Công ty TNHH Phần mềm Thống Nhất	59.373.000	(59.373.000)	59.373.000	(59.373.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.666.417.400</b>	<b>(686.417.400)</b>	<b>1.666.417.400</b>	<b>(686.417.400)</b>

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Số đầu năm	(686.417.400)	(686.417.400)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối năm</b>	<b>(686.417.400)</b>	<b>(686.417.400)</b>
Giá trị hợp lý		

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.019.028.561</b>	<b>1.845.470.685</b>
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC		1.845.470.685
Công ty Cổ phần Netnam	2.019.028.561	
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>685.811.596.136</b>	<b>647.691.986.686</b>
<b>Cộng</b>	<b>687.830.624.697</b>	<b>649.537.457.371</b>

## 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
Trả trước cho các bên liên quan		
Trả trước cho người bán khác	28.784.636.556	40.371.186.168
<b>Cộng</b>	<b>28.784.636.556</b>	<b>40.371.186.168</b>

## 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber-CMC (là bên liên quan) vay không tính lãi, thời hạn vay dưới 1 năm. Khoản cho vay đã được tất toán trong năm.

## 6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại 31/3/2017		Tại 01/4/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>			<b>336.512.551</b>	
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC			331.924.932	
Công ty Cổ phần Netnam			4.587.619	
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>75.773.534.036</b>	<b>(2.076.267.519)</b>	<b>101.164.360.605</b>	<b>(1.464.320.000)</b>
Tạm ứng triển khai dự án	46.935.283.079		51.130.797.733	
Tiền lãi cho vay			2.999.809.529	
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.395.774.782		18.124.013.481	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	12.205.496.527		10.955.488.895	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.236.979.648	(2.076.267.519)	17.954.250.967	(1.464.320.000)
<b>Cộng</b>	<b>75.773.534.036</b>	<b>(2.076.267.519)</b>	<b>101.500.873.156</b>	<b>(1.464.320.000)</b>

### 6b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn cho các đối tượng không phải là bên liên quan

## 7. Nợ xấu

	Tại 31/3/2017		Tại 01/4/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>				
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>85.636.412.377</b>	<b>3.750.000.000</b>	<b>85.530.296.913</b>	<b>6.750.000.000</b>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	85.636.412.377	3.750.000.000	85.530.296.913	6.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>85.636.412.377</b>	<b>3.750.000.000</b>	<b>85.530.296.913</b>	<b>6.750.000.000</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Số đầu năm	(78.780.296.913)	(79.270.875.548)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.674.103.864)	(6.849.949.923)
Hoàn nhập dự phòng		1.090.474.280
Giảm dự phòng do hợp nhất báo cáo	567.988.400	6.250.054.278
<b>Số cuối năm</b>	<b>(81.886.412.377)</b>	<b>(78.780.296.913)</b>

## 8. Hàng tồn kho

	Tại 31/3/2017		Tại 01/4/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	7.270.000		168.440.000	
Nguyên liệu, vật liệu	40.647.904.596	(1.100.453.687)	43.134.789.015	(575.254.692)
Công cụ, dụng cụ	409.410.670		73.590.100	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.857.895.193		5.848.974.667	
Thành phẩm	1.549.057.204		361.926.603	
Hàng hóa	153.862.446.142	(1.268.614.002)	151.815.675.465	(2.810.188.219)
Hàng gửi đi bán	183.638.517		183.638.517	
<b>Cộng</b>	<b>211.517.622.322</b>	<b>(2.369.067.689)</b>	<b>201.587.034.367</b>	<b>(3.385.442.911)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</b>
Số đầu năm	(3.385.442.911)	(4.239.713.413)
Trích lập dự phòng bổ sung	(701.832.085)	(1.446.691.408)
Hoàn nhập dự phòng	1.245.558.587	2.300.961.910
Giảm do hủy hàng	472.648.720	
<b>Số cuối năm</b>	<b>(2.369.067.689)</b>	<b>(3.385.442.911)</b>

## 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>Tại 01/4/2016</b>
Công cụ, dụng cụ ngắn hạn	451.554.600	203.135.218
Chi phí sửa chữa	95.461.685	343.130.383
Chi phí thuê nhà, thuê cơ sở hạ tầng	4.182.322.156	1.568.685.245
Chi phí dịch vụ chờ phân bổ	240.864.225	1.726.336.688
Chi phí cài đặt phần mềm	355.430.196	
Chi phí bảo trì và hỗ trợ hệ thống quản trị doanh nghiệp	726.935.660	1.550.000.000
Chi phí trả trước dự án	19.003.721.968	17.161.916.642
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.014.955.462	1.418.097.509
<b>Cộng</b>	<b>27.071.245.952</b>	<b>23.971.301.685</b>

### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>Tại 01/4/2016</b>
Công cụ dụng cụ	95.010.585.290	95.434.206.278
Tiền thuê đất (i)	8.233.476.915	8.419.194.447
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	1.414.969.232	650.972.168
Chi phí cải tạo văn phòng	664.935.224	4.312.934.841
Chi phí dự án VinE-com	-	4.407.352.145
Lợi thế thương mại	3.211.200.000	3.746.400.000
Chi phí cập nhật, nâng cấp định kỳ phần mềm	4.821.229.879	5.624.768.199
Chi phí triển khai dự án	4.841.545.483	5.370.463.191
Chi phí phần mềm Livecore Framework và live stream (IPTV)	-	1.008.080.000
Chi phí ứng cứu sự cố, sửa chữa	1.698.179.863	682.563.071
Chi phí thuê kênh và server	13.259.776.974	
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.521.696.507	6.576.709.885
<b>Cộng</b>	<b>136.677.595.367</b>	<b>136.233.644.225</b>

- (i) Là tiền thuê đất tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ cho mục đích xây dựng toà nhà trạm với thời gian thuê đất là 50 năm. Công ty thực hiện phân bổ trong thời gian là 48 năm bắt đầu từ năm 2013 là năm bắt đầu có doanh thu từ dự án nhà trạm.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Tại 01/4/2016	202.837.249.504	404.219.576.616	179.328.844.038	16.464.532.812	2.874.914.106	805.725.117.076
Mua sắm mới trong năm		12.844.443.618	3.462.341.818	2.396.589.434		18.703.374.870
Xuất hàng hóa hình thành tài sản				8.961.966.942		8.961.966.942
Thanh lý nhượng bán trong năm			(1.610.988.000)	(475.630.139)		(2.086.618.139)
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.861.453.091	53.525.270.961	93.364.059.139			152.750.783.191
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>208.698.702.595</b>	<b>470.589.291.195</b>	<b>274.544.256.995</b>	<b>27.347.459.049</b>	<b>2.874.914.106</b>	<b>984.054.623.940</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	772.426.300	28.079.912.057	24.770.357.022	6.407.704.069	2.874.914.106	62.905.313.554
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Tại 01/4/2016	22.905.803.438	164.769.789.333	72.789.206.270	10.406.857.944	2.371.101.323	273.242.758.308
Khấu hao trong năm	4.596.005.559	46.745.008.033	36.398.747.183	4.442.498.310	503.812.783	92.686.071.868
Thanh lý nhượng bán	-	-	(323.625.282)	(475.630.139)		(799.255.421)
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>27.501.808.997</b>	<b>211.514.797.366</b>	<b>108.864.328.171</b>	<b>14.373.726.115</b>	<b>2.874.914.106</b>	<b>365.129.574.755</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại 01/4/2016	179.931.446.066	239.449.787.283	106.539.637.768	6.057.674.868	503.812.783	532.482.358.768
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>181.196.893.598</b>	<b>259.074.493.829</b>	<b>165.679.928.824</b>	<b>12.973.732.934</b>		<b>618.925.049.185</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 305.723.938.933 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn và để cấp hạn mức tín dụng bảo lãnh cũng như mở LC tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

## 11. Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại 01/4/2016	30.939.433.245	551.086.545	29.951.307.001	6.660.610.458	68.102.437.249
Mua sắm mới trong năm	195.615.549		7.023.173.113		7.218.788.662
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn hành	132.945.343.939		2.041.786.511		134.987.130.450
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>164.080.392.733</b>	<b>551.086.545</b>	<b>39.016.266.625</b>	<b>6.660.610.458</b>	<b>210.308.356.361</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.000.000	144.000.000	1.159.725.910	664.373.952	<b>2.007.099.862</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Tại 01/4/2016	15.187.984.393	416.110.689	12.050.297.059	1.569.900.206	29.224.292.347
Khấu hao trong năm	5.887.696.408	76.708.656	4.678.075.583	749.529.553	11.392.010.200
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>21.075.680.801</b>	<b>492.819.345</b>	<b>16.728.372.642</b>	<b>2.319.429.759</b>	<b>40.616.302.547</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/4/2016	15.751.448.852	134.975.856	17.901.009.942	5.090.710.252	38.878.144.902
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>143.004.711.932</b>	<b>58.267.200</b>	<b>22.287.893.983</b>	<b>4.341.180.699</b>	<b>169.692.053.814</b>
<i>Trong đó:</i>					
Gamma thời không sử dụng đang chờ thanh lý					

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 01/4/2016	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Tại 31/3/2017
Mua sắm tài sản cố định	4.868.181.460		(4.868.181.460)		
Xây dựng cơ bản dở dang	146.832.626.962	230.105.001.647	(287.737.913.641)	(7.962.364.550)	81.237.350.418
- Dự án cáp quang biển APG (*)	95.834.616.489	26.238.485.917	(122.073.102.406)		
- Dự án triển khai hạ tầng mạng tại Đà Nẵng	12.120.712.869	551.163.649	(12.671.876.518)		
- Dự án mở rộng, nâng cấp mạng CoreIP, Router NAT IP và Metro-NQ	16.999.763.559	13.050.000	(17.012.813.559)		
- Chi phí vật tư xây lắp mạng cáp và ứng cứu sự cố	8.378.234.948	3.553.733.052			11.931.968.000
- Dự án truyền dẫn quang	9.094.079.310	10.960.856.068			20.054.935.378
- Dự án tuyến đường trục Bắc - Nam	41.520.417	39.626.236.988			39.667.757.405
- Các dự án khác	4.363.699.370	149.161.475.973	(135.980.121.158)	(7.962.364.550)	9.582.689.635
<b>Cộng</b>	<b>151.700.808.422</b>	<b>230.105.001.647</b>	<b>(292.606.095.101)</b>	<b>(7.962.364.550)</b>	<b>81.237.350.418</b>

(\*) Dự án này đã hoàn thành và chính thức đi vào khai thác từ tháng 1 năm 2017.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 4,9 tỷ VND (năm trước là 7 tỷ VND).

### 13. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Netnam	Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty Cổ phần An ninh An toàn thông tin CMC	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Tại 01/4/2016	1.572.168.000	3.328.783.614	2.807.478.449	7.708.430.063
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>1.572.168.000</b>	<b>3.328.783.614</b>	<b>2.807.478.449</b>	<b>7.708.430.063</b>
<b>Số đã phân bổ</b>				
Tại 01/4/2016	1.572.168.000	1.331.513.444	561.495.690	3.465.177.134
Phân bổ trong năm		332.878.361	280.747.845	613.626.206
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>1.572.168.000</b>	<b>1.664.391.805</b>	<b>842.243.535</b>	<b>4.078.803.340</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại 01/4/2016		1.997.270.170	2.245.982.759	4.243.252.929
<b>Tại 31/3/2017</b>		<b>1.664.391.809</b>	<b>1.965.234.914</b>	<b>3.629.626.723</b>

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.163.479.821</b>	<b>7.199.147.646</b>
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	67.582.821	7.195.680.988
Công ty Cổ phần Netnam	1.095.897.000	3.466.658
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>395.392.194.818</b>	<b>307.911.242.559</b>
<b>Cộng</b>	<b>396.555.674.639</b>	<b>315.110.390.205</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
Trả trước của các bên liên quan		
Trả trước của các khách hàng khác	60.580.210.150	54.512.039.866
<b>Cộng</b>	<b>60.580.210.150</b>	<b>54.512.039.866</b>

## 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tại 01/4/2016

Số phát sinh trong năm

Tại 31/3/2017

	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số được hoàn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.370.913.686		4.530.163.285	(35.224.550.000)		3.676.526.971	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.003.430.225	60.430.357.513	(59.421.820.536)	161.168.116	166.274.868	
Thuế xuất, nhập khẩu	127.405.289	1.468.641.209	1.725.634.997	(799.591.338)	1.467.802.958	1.053.969.305	1.358.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.868.175.488	736.503.682	30.504.449.948	(31.248.457.907)		18.937.744.483	550.080.636
Thuế thu nhập cá nhân	4.268.075.552	63.099.696	8.963.685.252	(12.084.084.600)		1.500.756.792	416.180.284
Thuế nhà thầu	2.479.059.442		24.628.126.975	(26.070.988.540)		1.036.197.877	-
Các loại thuế khác	94.801.024	29.104.507	1.454.458.981	(1.256.059.645)		264.303.296	207.443
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	181.749	4.725.381	88.952.654	(89.134.403)			4.725.381
<b>Cộng</b>	<b>31.208.612.230</b>	<b>3.305.504.700</b>	<b>162.325.829.605</b>	<b>(166.194.686.969)</b>	<b>1.628.971.074</b>	<b>26.635.773.592</b>	<b>972.552.352</b>

### Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm và dịch vụ phần mềm	Không chịu thuế
- Xuất khẩu phần mềm, xuất khẩu dịch vụ phần mềm và các hàng hóa dịch vụ khác	0%
- Bán hàng hóa, thiết bị tin học, dịch vụ khác trong nước	10%

### Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm, do đó được ưu đãi với mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi thành lập, miễn thuế trong 4 năm (kể từ năm 2006), giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm thứ 7 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.
- Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính, Công ty Cổ phần An ninh an toàn Thông tin CMC hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm, do đó được ưu đãi với mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi thành lập, miễn thuế trong 4 năm (kể từ năm 2011), giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm thứ 2 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. ( Năm trước thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% đối với thu nhập bình quân từ 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và thuế suất 20% đối với thu nhập bình quân từ 01 tháng 01 năm 2016 đến 31 tháng 3 năm 2016. Thu nhập bình quân được xác định bằng thu nhập từ 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 3 năm 2016 chia cho 12 tháng.)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Từ 01/04/2016 đến 31/3/2017</b>	<b>Từ 01/04/2015 đến 31/3/2016</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	187.213.921.576	160.377.221.548
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	6.115.270.533	19.987.455.676
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế tại Công ty mẹ và các công ty con	9.346.256.280	21.022.428.245
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế tại Công ty mẹ và các công ty con	(3.230.985.747)	(1.034.972.569)
Tăng/ (giảm) do hợp nhất báo cáo tài chính	(1.290.541.023)	4.610.352.806
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>192.038.651.086</b>	<b>184.975.030.030</b>
Lỗi các năm trước được chuyển	(36.159.340.168)	(76.523.304.937)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>155.879.310.918</b>	<b>108.451.725.093</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	20%	22% và 20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>31.175.862.184</b>	<b>23.317.120.896</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(447.608.158)	(192.176.256)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(223.804.078)	(83.554.894)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>30.504.449.948</b>	<b>23.041.389.746</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		512.126.460
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>30.504.449.948</b>	<b>23.553.516.206</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

## **17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>Tại 01/4/2016</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>175.541.311.680</b>	<b>119.231.918.915</b>
Trích trước chi phí cho các dự án	16.478.532.869	7.143.385.336
Chi phí lãi vay phải trả	194.411.250	684.845.549
Chi phí thuê ngoài, mua ngoài liên quan đến hoạt động viễn thông	70.984.313.230	49.164.085.744
Chi phí dự án	2.360.535.927	1.165.258.079
Chi phí phân chia dịch vụ EOC và dịch vụ khác	7.010.721.556	5.780.592.681
Chi phí Ban quản lý tòa nhà	3.540.358.999	1.287.389.678
Các chi phí phải trả khác	3.988.124.619	4.842.276.104
<b>Cộng</b>	<b>104.556.998.450</b>	<b>70.067.833.171</b>



## 18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

### 18a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>128.338.818.935</b>	<b>48.267.456.530</b>
Tiền nhận trước về cho thuê văn phòng	5.894.561.779	7.351.570.058
Tiền nhận trước về cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống	65.173.667.911	22.263.523.578
Tiền nhận trước về cung cấp dịch vụ viễn thông	57.270.589.245	18.652.362.894
<b>Cộng</b>	<b>128.338.818.935</b>	<b>48.267.456.530</b>

### 18b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là tiền nhận trước về cung cấp dịch vụ viễn thông cho các đối tượng khách hàng không phải là bên liên quan.

## 19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

### 19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>44.242.169.618</b>	<b>41.832.036.185</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	25.455.987	19.919.112
Kinh phí công đoàn	1.491.659.754	1.122.490.355
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.188.861.149	2.800.600.392
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.613.073.186	403.950.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	630.127.480	98.697.000
Lãi vay phải trả	708.295.396	2.963.854.772
Phải trả tiền vay khác	9.985.742.004	12.141.603.770
Chi trả hộ hãng tiền thưởng chiết khấu, tiền hỗ trợ cho khách hàng	3.002.018.405	3.477.809.764
Phải nộp Quỹ dịch vụ viễn thông công ích	3.303.463.648	4.075.745.843
Phải trả cho đối tác liên doanh	6.075.086.708	6.323.244.396
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.218.385.901	8.404.120.781
<b>Cộng</b>	<b>44.242.169.618</b>	<b>41.832.036.185</b>

### 19b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các đối tượng không phải là bên liên quan.

### 19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

## 20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

### 20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>309.290.894.478</b>	<b>300.858.966.483</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	232.950.169.778	252.322.024.578
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	103.088.385.458	22.427.725.632
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	75.409.137.095	159.254.502.560
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Sở giao dịch	20.809.730.770	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	33.642.916.455	22.739.796.386
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	47.900.000.000

	<u>Tại 31/3/2017</u>	<u>Tại 01/4/2016</u>
Vay ngắn hạn các cá nhân	30.200.724.700	13.536.941.905
Vay dài hạn đến hạn trả (xem TM số V.20b)	46.140.000.000	35.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>309.290.894.478</u></b>	<b><u>300.858.966.483</u></b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các cá nhân</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Tại 01/4/2016	252.322.024.578	13.536.941.905	35.000.000.000	300.858.966.483
Số tiền vay phát sinh	2.239.410.976.947	26.273.476.000		2.265.684.452.947
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn			46.140.000.000	46.140.000.000
Lãi vay năm trước nhập gốc vay		3.921.852.068		3.921.852.068
Tăng do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ		86.592.500		86.592.500
Số tiền vay đã trả	(2.258.782.831.747)	(13.618.137.773)	(35.000.000.000)	(2.307.400.969.520)
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b><u>232.950.169.778</u></b>	<b><u>30.200.724.700</u></b>	<b><u>46.140.000.000</u></b>	<b><u>309.290.894.478</u></b>

## 20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Tại 31/3/2017</u>	<u>Tại 01/4/2016</u>
<b>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</b>		
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>42.197.185.183</b>	<b>100.835.467.983</b>
Vay dài hạn ngân hàng	40.487.185.183	99.719.217.983
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	40.487.185.183	99.719.217.983
Vay dài hạn cá nhân (ii)	1.710.000.000	1.116.250.000
<b>Cộng</b>	<b><u>42.197.185.183</u></b>	<b><u>100.835.467.983</u></b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/2570354/HĐTDDH ngày 02 tháng 7 năm 2013. Hạn mức cho vay là 200.000.000.000 VND, lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần vào ngày đầu tiên của mỗi quý. Thời hạn cho vay là 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (ii) Vay vốn theo Hợp đồng số 01.15/HĐVV-CMS ngày 29 tháng 6 năm 2015 sử dụng cho mục đích kinh doanh, thời hạn cho vay 2 năm, lãi suất cho vay 5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/1 lần căn cứ vào lãi suất cho vay của Ngân hàng, tiền lãi được trả 3 tháng/1 lần.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
<b>Tại 31/3/2017</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	85.487.185.183	45.000.000.000	40.487.185.183	
Vay dài hạn các cá nhân	2.850.000.000	1.140.000.000	1.710.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>88.337.185.183</u></b>	<b><u>46.140.000.000</u></b>	<b><u>42.197.185.183</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Tại 01/4/2016</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	134.719.217.983	35.000.000.000	99.719.217.983	
Vay dài hạn các cá nhân	1.116.250.000		1.116.250.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>135.835.467.983</u></b>	<b><u>35.000.000.000</u></b>	<b><u>100.835.467.983</u></b>	<b><u>-</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Cộng
Tại 01/4/2016	99.719.217.983	1.116.250.000	100.835.467.983
Số tiền vay phát sinh	767.967.200	1.672.875.000	2.440.842.200
Tăng do chênh lệch tỷ giá		60.875.000	60.875.000
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	(45.000.000.000)	(1.140.000.000)	(46.140.000.000)
Số tiền vay đã trả	(15.000.000.000)		(15.000.000.000)
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>40.487.185.183</b>	<b>1.710.000.000</b>	<b>42.197.185.183</b>

## 20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

## 21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	Dự phòng bảo hành dự án	Cộng
Tại 01/4/2016	6.370.867.179	256.845.208	6.627.712.387
Tăng do trích lập	1.556.704.681	38.701.090	1.595.405.771
Số sử dụng	(1.861.488.166)		(1.861.488.166)
Số hoàn nhập		(256.845.208)	(256.845.208)
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>6.066.083.694</b>	<b>38.701.090</b>	<b>6.104.784.784</b>

## 22. Thuế thu nhập hoãn lại

### 22a. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tập đoàn liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Số đầu năm	450.249.832	610.259.884
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(60.739.340)	(160.010.052)
<b>Số cuối năm</b>	<b>389.510.492</b>	<b>450.249.832</b>

### 22b. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí khấu hao thiết bị của Tòa nhà tri thức. Chi tiết phát sinh như sau:

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Số đầu năm	1.763.240.645	1.827.036.621
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(57.996.340)	(63.795.976)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.705.244.305</b>	<b>1.763.240.645</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

## 23. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Tại 01/4/2016	1.387.948.636		1.387.948.636
Trích lập quỹ	8.312.858.542		8.312.858.542
Chi quỹ trong năm	(256.414.542)		(256.414.542)
<b>Tại 31/3/2017</b>	<b>9.444.392.636</b>	<b>-</b>	<b>9.444.392.636</b>

Trong năm, Tập đoàn đã sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư vào các dự án công nghệ với tổng số tiền là 3.096.287.993 VND.

**24. Vốn chủ sở hữu**

**24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Tại 01/4/2015	673.419.530.000	15.307.031.884	(6.840.260.634)	431.436.000	988.924.517	(15.299.081.895)	59.068.468.701	727.076.048.573
Tăng do phát hành thêm cổ phần ở Công ty con (*)						98.283.495.489	155.367.966.837	253.651.462.326
Lợi nhuận trong năm						107.516.208.600	29.211.282.666	136.727.491.266
Tăng/giảm do mua lại cổ phần từ cổ đông không kiểm soát tại Công ty con						(970.947.146)	(829.052.854)	(1.800.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi toàn Tập đoàn						(11.814.415.416)	(3.601.352.982)	(15.415.768.398)
Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS tại Công ty mẹ						(1.285.500.000)		(1.285.500.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại các công ty liên kết						(787.743.698)		(787.743.698)
Điều chỉnh lại lãi/lỗ tại Công ty liên kết		(411.519.250)			(988.924.517)	1.400.443.767		
Tăng/giảm khác từ lợi nhuận tại các công ty con						(666.598.662)		(666.598.662)
<b>Số dư tại 31/3/2016</b>	<b>673.419.530.000</b>	<b>14.895.512.634</b>	<b>(6.840.260.634)</b>	<b>431.436.000</b>		<b>176.375.861.039</b>	<b>239.217.312.368</b>	<b>1.097.499.391.407</b>
Số dư tại 01/4/2016	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	431.436.000		176.375.861.039	239.217.312.368	1.097.499.391.407
Lợi nhuận trong năm nay						123.159.976.015	33.546.752.613	156.706.728.628
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm trước						(3.488.445.779)		(3.488.445.779)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm nay						(6.002.475.267)		(6.002.475.267)
Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS từ lợi nhuận năm trước						(1.427.312.962)	(292.536.526)	(1.719.849.488)
Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS từ lợi nhuận năm nay						(1.231.599.760)		(1.231.599.760)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Chia cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận năm trước						(52.994.155.200)	(9.119.796.600)	(62.113.951.800)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm trước tại Công ty liên kết						(1.075.141.573)		(1.075.141.573)
Điều chỉnh lại lãi/lỗ tại Công ty liên kết						(64.293.567)		(64.293.567)
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ từ lợi nhuận năm nay						(8.312.858.542)		(8.312.858.542)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con						(615.475.644)	(440.524.356)	(1.056.000.000)
<b>Số dư tại 31/3/2017</b>	<b>673.419.530.000</b>	<b>14.895.512.634</b>	<b>(6.840.260.634)</b>	<b>431.436.000</b>	<b>224.324.078.760</b>	<b>262.911.207.499</b>	<b>1.169.141.504.259</b>	

## 24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tại 31/3/2017</u>	<u>Tại 01/4/2016</u>
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	142.512.100.000	142.512.100.000
Công ty TNHH Đầu tư MVI	141.616.000.000	141.616.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	93.935.960.000	93.935.960.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	33.920.000.000	33.920.000.000
Tập đoàn Bảo Việt	33.920.000.000	33.920.000.000
Các cổ đông khác	216.522.880.000	216.522.880.000
Cổ phiếu quỹ	10.992.590.000	10.992.590.000
<b>Cộng</b>	<b><u>673.419.530.000</u></b>	<b><u>673.419.530.000</u></b>

## 24c. Cổ phiếu

	<u>Tại 31/3/2017</u>	<u>Tại 01/4/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	67.341.953	67.341.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	67.341.953	67.341.953
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.341.953	67.341.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.099.259	1.099.259
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.242.694	66.242.694

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## 24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 29 tháng 6 năm 2016 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận năm 2015	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 52.994.155.200
• Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	: 1.075.100.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 3.082.222.724
- <i>Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm 2015 từ lợi nhuận năm 2015</i>	: 2.795.516.497
- <i>Trích bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm 2016 từ lợi nhuận năm 2015</i>	: 286.706.227
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị	
• Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	8.312.858.542
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.156.429.271
• Trích khen thưởng hội đồng quản trị, ban kiểm soát	1.231.599.760

## 25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### 25a. Ngoại tệ các loại

	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
Dollar Mỹ (USD)	909.332,38	1.046.173,02
Yên Nhật (¥)	672.871,00	74.137,00

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Doanh thu bán hàng hóa	2.703.784.002.626	2.510.367.385.371
Doanh thu bán thành phẩm	30.865.690.769	34.948.625.950
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.650.907.008.484	1.158.175.731.173
Doanh thu khác	5.240.441.689	904.841.722
<b>Cộng</b>	<b>4.390.797.143.568</b>	<b>3.704.396.584.216</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Chiết khấu thương mại	3.181.308.329	2.697.292.138
Hàng bán bị trả lại	3.242.631.586	7.886.077.339
Giảm giá hàng bán	10.159.091	
<b>Cộng</b>	<b>6.434.099.006</b>	<b>10.583.369.477</b>

### 3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.538.676.876.377	2.327.443.664.235
Giá vốn của thành phẩm đã bán	34.295.085.181	31.922.163.199
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.215.962.473.592	801.252.376.076
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	4.290.007.869	634.380.602
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(543.726.502)	(204.154.281)
<b>Cộng</b>	<b>3.792.680.716.517</b>	<b>3.161.048.429.831</b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<b>Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.607.780.867	12.415.378.521
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.674.079.700	3.808.043.327
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	52.441.690	
Lãi bán hàng trả chậm	95.593.435	399.914.513
Chiết khấu thanh toán	284.234.240	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.415.450	
<b>Cộng</b>	<b>20.716.545.382</b>	<b>16.623.336.361</b>

#### 5. Chi phí tài chính

	<b>Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</b>
Chi phí lãi vay	26.357.462.659	25.970.916.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.229.731.676	6.073.116.162
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	415.126.025	661.961.884
<b>Cộng</b>	<b>28.002.320.360</b>	<b>32.705.994.655</b>

#### 6. Chi phí bán hàng

	<b>Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</b>
Chi phí cho nhân viên	126.396.428.998	121.245.132.218
Chi phí vật liệu, bao bì	20.293.495.592	18.387.701.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.243.127.804	2.797.369.334
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	1.374.173.568	4.276.528.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	86.402.030.591	65.707.103.729
<b>Cộng</b>	<b>237.709.256.553</b>	<b>212.413.834.855</b>

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<b>Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</b>
Chi phí cho nhân viên	96.774.198.710	87.600.219.069
Chi phí vật liệu quản lý	4.102.668.720	3.095.819.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.017.214.765	5.902.786.746
Thuế, phí và lệ phí	1.263.451.633	651.083.777
Dự phòng phải thu khó đòi	3.674.103.864	6.233.322.612
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.387.948.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.643.692.146	33.231.789.618
Các chi phí khác	31.149.863.755	25.557.804.501
<b>Cộng</b>	<b>183.625.193.593</b>	<b>163.660.774.472</b>



## 8. Thu nhập khác

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		354.545.454
Thu nhập từ tổ chức hội thảo Avar		2.684.741.263
Khoản tài trợ của dự án IPP		718.093.810
Khoản hỗ trợ Marketing từ hãng	11.651.591.411	9.723.086.224
Các khoản thuế được hoàn	648.929.042	813.289.695
Xử lý công nợ tồn lâu	110.192.263	463.018.075
Các khoản thu nhập khác	2.213.439.829	1.190.047.589
<b>Cộng</b>	<b>14.624.152.545</b>	<b>15.946.822.110</b>

## 9. Chi phí khác

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	541.008.173	2.110.090
Chi phí tổ chức Hội nghị Đà Bắc	681.426.981	
Thanh toán tiền tổ chức giới thiệu sản phẩm	702.350.000	-
Chi phí tổ chức hội thảo Avar	-	3.218.349.626
Thuế bị phạt, truy thu	860.197.709	957.085.955
Chi phí khác	696.455.745	1.725.866.134
<b>Cộng</b>	<b>3.481.438.608</b>	<b>5.903.411.805</b>

## 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/4/2016 Đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	60.739.340	160.010.052
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(57.996.340)	(63.795.976)
<b>Cộng</b>	<b>2.743.000</b>	<b>96.214.076</b>

## 11. Lãi trên cổ phiếu

### 11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	123.159.976.015	107.516.208.600
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	(8.312.858.542)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.002.475.267)	(6.934.423.154)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	(1.231.599.760)	(1.075.100.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	107.613.042.446	100.581.785.446
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	66.242.694	66.242.694
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.625</b>	<b>1.518</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	66.242.694	66.242.694
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm		
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>66.242.694</b>	<b>66.242.694</b>

### 11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.530.991.430	116.309.536.860
Chi phí nhân công	322.176.689.497	267.297.665.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.078.082.068	80.949.207.881
Chi phí dự phòng	3.130.377.362	6.233.322.612
Chi phí bảo hành	1.374.173.568	4.276.528.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	783.638.938.907	631.886.688.453
Chi phí khác	71.083.568.635	92.753.197.341
<b>Cộng</b>	<b>1.423.012.821.467</b>	<b>1.199.706.147.302</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### 1. Tiền thu từ đi vay

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển tiền lãi vay phải trả cá nhân năm trước thành gốc vay trong năm, số tiền: 3.921.852.068 VND.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*  
Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*  
Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

## 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư MVI	Cổ đông lớn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</b>
<b>Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh (Đầu tư Mỹ Linh)</b>		
Chi phí thuê nhân sự của Đầu tư Mỹ Linh	1.500.000.000	1.222.512.000
Cổ tức chi trả cho Đầu tư Mỹ Linh	11.400.968.000	
<b>Công ty TNHH Đầu tư MVI (Đầu tư MVI)</b>		
Chi phí thuê nhân sự của Đầu tư MVI	500.000.000	1.222.512.000
Cổ tức chi trả cho Đầu tư MVI	11.329.280.000	

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.14, V.15, V.16 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ tích hợp: do 03 công ty cung cấp là Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC, Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn, Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC
- Lĩnh vực dịch vụ phần mềm: do Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC cung cấp .
- Lĩnh vực dịch vụ viễn thông: do Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC cung cấp
- Lĩnh vực phân phối và lắp ráp: do Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC, Công ty TNHH Máy tính CMS cung cấp (không bao gồm hoạt động xuất khẩu).
- Lĩnh vực dịch vụ khác: do Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC cung cấp và hoạt động xuất khẩu do Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ tích hợp	Lĩnh vực dịch vụ phần mềm	Lĩnh vực dịch vụ viễn thông	Lĩnh vực phân phối và lắp ráp	Các dịch vụ khác	Điều chỉnh do hợp nhất	Cộng
<b>Từ 01/4/2016 đến 31/3/2017</b>							
<b>Doanh thu thuần theo bộ phận</b>							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.929.377.080.687	176.171.773.896	1.040.820.430.363	299.577.321.282	938.416.438.333		4.384.363.044.562
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	93.317.504.260	11.860.259.746	4.348.172.983	13.792.599.999	26.041.407.867	(149.359.944.855)	-
<b>Tổng doanh thu thuần theo bộ phận</b>	<b>2.022.694.584.947</b>	<b>188.032.033.642</b>	<b>1.045.168.603.346</b>	<b>313.369.921.281</b>	<b>964.457.846.200</b>	<b>(149.359.944.855)</b>	<b>4.384.363.044.562</b>
<b>Chi phí theo bộ phận (i)</b>							
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.962.481.422.428	183.641.525.053	952.958.126.183	319.620.941.836	944.954.841.919	(147.996.833.056)	4.215.660.024.364
Lợi nhuận trước thuế TNDN theo bộ phận	60.213.162.519	4.390.508.589	92.210.477.163	(6.251.020.555)	19.503.004.281	(1.363.111.799)	168.703.020.198
	<b>57.234.820.656</b>	<b>4.369.794.400</b>	<b>92.842.210.823</b>	<b>572.838.232</b>	<b>35.084.682.602</b>	<b>(2.890.425.137)</b>	<b>187.213.921.576</b>
<b>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</b>							
<b>Doanh thu thuần theo bộ phận</b>							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.492.359.973.375	146.977.218.114	821.784.335.010	357.375.601.296	932.286.367.514		3.750.783.495.309
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	23.032.508.855	2.216.915.000	2.752.809.027	32.547.876.705	11.147.696.571	(71.697.806.158)	
<b>Tổng doanh thu thuần theo bộ phận</b>	<b>1.515.392.482.230</b>	<b>149.194.133.114</b>	<b>824.537.144.037</b>	<b>389.923.478.001</b>	<b>943.434.064.085</b>	<b>(128.668.086.728)</b>	<b>3.693.813.214.739</b>
<b>Chi phí theo bộ phận (i)</b>							
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.467.905.489.704	147.709.130.118	746.030.763.788	388.226.319.119	915.266.464.227	(128.015.127.798)	3.537.123.039.158
Lợi nhuận trước thuế TNDN theo bộ phận	47.486.992.526	1.485.002.996	78.506.380.249	1.697.158.882	28.167.599.858	(652.958.930)	156.690.175.581
	<b>46.776.215.666</b>	<b>1.620.926.153</b>	<b>77.427.511.128</b>	<b>1.776.476.397</b>	<b>24.460.689.869</b>	<b>8.315.402.335</b>	<b>160.377.221.548</b>

(i) Chi phí theo bộ phận bao gồm giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý (không bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí khác)

(ii) Kết quả kinh doanh theo bộ phận bằng doanh thu thuần theo bộ phận trừ đi chi phí theo bộ phận.

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

**Tại 31/3/2017**

Tài sản trực tiếp của bộ phận  
Tài sản phân bổ cho bộ phận  
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận  
**Tổng tài sản**

	Lĩnh vực dịch vụ tích hợp	Lĩnh vực dịch vụ phần mềm	Lĩnh vực dịch vụ viễn thông	Lĩnh vực phân phối và lắp ráp	Các dịch vụ khác	Cộng
	565.707.835.668	135.601.890.618	993.735.341.455	130.834.654.902	317.987.943.428	2.143.867.666.071
						274.971.672.240
						<b>2.418.839.338.311</b>

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận  
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận  
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận  
**Tổng nợ phải trả**

	455.682.626.467	47.660.468.798	563.102.628.814	107.291.758.911	66.515.958.426	1.240.253.441.416
						9.444.392.636
						<b>1.249.697.834.052</b>

**Tại 01/4/2016**

Tài sản trực tiếp của bộ phận  
Tài sản phân bổ cho bộ phận  
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận  
**Tổng tài sản**

	452.083.855.680	114.668.507.054	842.998.978.023	175.942.983.097	341.483.678.511	1.927.178.002.365
						268.491.458.932
						<b>2.195.669.461.297</b>

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận  
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận  
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận  
**Tổng nợ phải trả**

	322.454.262.439	30.185.002.617	536.242.972.379	155.105.947.583	52.793.936.236	1.096.782.121.254
						1.387.948.636
						<b>1.098.170.069.890</b>

## 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam..

## 3. Số liệu so sánh

Tập đoàn thực hiện điều chỉnh phân loại lại một số khoản mục trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Giá vốn hàng bán	11	3.166.506.566.261	(5.458.136.430)	3.161.048.429.831
Chi phí bán hàng	25	210.271.613.834	2.142.221.021	212.413.834.855
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	160.344.859.063	3.315.915.409	163.660.774.472

## 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban điều hành Tập đoàn đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban điều hành thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty liên doanh, liên kết và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Tại 31/3/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	125.069.823.641		125.069.823.641
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.801.057.700		240.801.057.700
Phải thu khách hàng	608.383.859.221	79.446.765.476	687.830.624.697
Các khoản phải thu khác	30.924.568.804	5.826.267.519	36.750.836.323
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	980.000.000	686.417.400	1.666.417.400
<b>Cộng</b>	<b>1.006.159.309.366</b>	<b>85.959.450.395</b>	<b>1.092.118.759.761</b>

#### Tại 01/4/2016

Tiền và các khoản tương đương tiền	87.680.257.918		87.680.257.918
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	238.980.223.937		238.980.223.937
Phải thu khách hàng	572.221.480.458	77.315.976.913	649.537.457.371

	<b>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
Các khoản cho vay	3.900.000.000		3.900.000.000
Các khoản phải thu khác	45.900.072.937	8.214.320.000	54.114.392.937
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	980.000.000	686.417.400	1.666.417.400
<b>Cộng</b>	<b>949.662.035.250</b>	<b>86.216.714.313</b>	<b>1.035.878.749.563</b>

#### 4b. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại 31/3/2017</b>				
Vay và nợ	309.290.894.478	42.197.185.183		351.488.079.661
Phải trả người bán	396.555.674.639			396.555.674.639
Các khoản phải trả khác	145.093.191.178	9.835.237.742		154.928.428.920
<b>Cộng</b>	<b>850.939.760.295</b>	<b>52.032.422.925</b>		<b>902.972.183.220</b>
<b>Tại 01/4/2016</b>				
Vay và nợ	300.858.966.483	100.835.467.983		401.694.434.466
Phải trả người bán	315.110.390.205			315.110.390.205
Các khoản phải trả khác	104.308.159.176	14.858.414.063		119.166.573.239
<b>Cộng</b>	<b>720.277.515.864</b>	<b>115.693.882.046</b>		<b>835.971.397.910</b>

Ban điều hành Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 4c. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 và ngày 01 tháng 4 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Tại 31/3/2017 (USD)</u>	<u>Tại 01/4/2016 (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	909.332,38	1.046.173,02

Ban điều hành Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Tại 31/3/2017</u>		<u>Tại 01/4/2016</u>	
	<u>VND</u>	<u>USD</u>	<u>VND</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.963.469.787	909.332,38	64.397.677.358	1.046.173,02
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.801.057.700		238.980.223.937	
Vay và nợ	<u>(401.694.434.466)</u>		<u>(466.504.232.549)</u>	
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b><u>(59.929.906.979)</u></b>	<b><u>909.332</u></b>	<b><u>(163.126.331.254)</u></b>	<b><u>1.046.173,02</u></b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 958.878.512 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 2.610.021.300 VND).

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### **4d. Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 và tại ngày 01 tháng 4 năm 2016.

#### **5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

##### *Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Tại 31/3/2017</u>		<u>Tại 01/4/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	125.069.823.641		87.680.257.918	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	240.801.057.700		238.980.223.937	
Phải thu khách hàng	687.830.624.697	(79.446.765.476)	649.537.457.371	(77.315.976.913)
Các khoản cho vay			3.900.000.000	
Các khoản phải thu khác	36.750.836.323	(2.076.267.519)	54.114.392.937	(1.464.320.000)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.666.417.400	(686.417.400)	1.666.417.400	(686.417.400)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.092.118.759.761</u></b>	<b><u>(82.209.450.395)</u></b>	<b><u>1.035.878.749.563</u></b>	<b><u>(79.466.714.313)</u></b>



### Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Tại 31/3/2017	Tại 01/4/2016
Vay và nợ	351.488.079.661	401.694.434.466
Phải trả người bán	396.555.674.639	315.110.390.205
Các khoản phải trả khác	154.928.428.920	119.166.573.239
<b>Cộng</b>	<b>902.972.183.220</b>	<b>835.971.397.910</b>

### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

## 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2017

Người lập biểu/Kế toán  
trưởng

Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính

Lê Thanh Sơn

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Chính

\* Toàn văn BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 được đăng tải tại website: [www.cmc.com.vn](http://www.cmc.com.vn)



## CMC CORPORATION

Towards the digital future

Head Office: CMC Tower, Duy Tan Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam | Tel: 84.24 3795 8668 | Fax: 84.24 3795 8989

Branch Office: 111 - 121 Ngo Gia Tu, Ward 2, Dist.10, Ho Chi Minh City, Vietnam | Tel: 84.28 3833 0579 | Fax: 84.28 3833 0580

Email: [Info@cmc.com.vn](mailto:Info@cmc.com.vn) \* Website: [www.cmc.com.vn](http://www.cmc.com.vn)

### Members of CMC Corporation

| CMC SI

| CMC Soft

| CMC INFOSEC

| CMC Telecom

| CMC P&T

| Ciber CMC

| CMC SI SG

| CMC Global

| CIST

| Net Nam

| CMS

